

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU
TẬP HUẤN CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN CỐT CÁN
VỀ XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ
MÔN NGỮ VĂN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)



HÀ NỘI - 2024

MỤC LỤC

PHẦN I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ TRONG MÔN NGỮ VĂN THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018	5
1.1. Vai trò của KTĐG trong môn học Ngữ văn	5
1.2. Nội dung KTĐG theo yêu cầu cần đạt của CT GDPT môn Ngữ văn 2018	7
1.3. Các cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn	8
1.3.1. Đánh giá thường xuyên	8
1.3.2. Đánh giá định kì.....	9
1.3.3. Đánh giá diện rộng (ĐG trong các kì kiểm tra/thi của Phòng, Sở GDĐT; ĐG trong các kì thi).....	9
1.4. Các văn bản chỉ đạo về đổi mới đánh giá môn Ngữ văn	11
1.4.1. CT GDPT môn Ngữ văn 2018.....	11
1.4.2. Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá HS THCS và THPT:.....	11
1.4.3. Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/07/2022 của Bộ GDĐT về hướng dẫn đổi mới PPDH và KTĐG môn Ngữ văn ở trường PT:	12
1.4.4. Công văn 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 30/07/2024 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025	12
PHẦN II. NGỮ LIỆU SỬ DỤNG TRONG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ.....	14
MÔN NGỮ VĂN CẤP THCS.....	14
2.1. Vai trò của ngữ liệu trong dạy học và KTĐG	14
2.2. Sử dụng ngữ liệu trong KTĐG định kì	15
2.3. Tiêu chí chọn ngữ liệu trong KTĐG định kì	17
2.4. Định hướng sử dụng ngữ liệu trong đánh giá định kì	19
PHẦN III. XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN NGỮ VĂN CẤP	22
TRUNG HỌC CƠ SỞ.....	22
3.1. Cấu trúc đề kiểm tra định kì môn Ngữ văn cấp THCS	22
3.2. Kỹ thuật xây dựng CH đọc hiểu và viết luận	24
3.2.1. Kỹ thuật xây dựng câu hỏi đọc hiểu văn bản	24
3.2.2. Câu hỏi/đề viết bài văn.....	29
3.3. Ma trận, đặc tả	31
3.3.1. Khung ma trận, đặc tả Lớp 6	32
3.3.2. Khung ma trận, đặc tả Lớp 7	34
3.3.3. Khung ma trận, đặc tả Lớp 8	37
3.3.4. Khung ma trận, đặc tả Lớp 9	40
PHẦN IV. MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN NGỮ VĂN CẤP THCS. 43	43

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1.	GDPT	Giáo dục phổ thông
2.	CT	Chương trình
3.	CH	Câu hỏi
4.	GDĐT	Giáo dục và Đào tạo
5.	GV	Giáo viên
6.	GDPT	Giáo dục phổ thông
7.	HS	Học sinh
8.	NL	Năng lực
9.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
10.	VB	Văn bản
11.	THCS	Trung học cơ sở
12.	SGK	Sách giáo khoa
13.	THPT	Trung học phổ thông
14.	TNKQ	Trắc nghiệm khách quan
15.	TL	Tự luận
16.	VB	Văn bản

LỜI NÓI ĐẦU

Năm học 2024 – 2025, CT GDPT 2018 được triển khai ở tất cả 12 lớp của các cấp học trong hệ thống GDPT. Trong các môn học của nhà trường phổ thông, môn Ngữ văn là môn học bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12, và là một trong hai môn thi bắt buộc của kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông theo CTh GDPT 2018, được tổ chức lần đầu vào năm 2025.

Nhận thức tầm quan trọng của môn học Ngữ văn trong tiến trình đổi mới CT GDPT, Bộ GDĐT đã có Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/07/2022 về hướng dẫn đổi mới PPDH và đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông, trong đó nhấn mạnh đến yêu cầu của CT môn Ngữ văn 2018 về KTĐG hướng đến mục tiêu đánh giá năng lực của người học, tránh tình trạng sao chép văn mẫu đang tồn tại trong những năm qua.

Công văn 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 30/07/2024 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024 – 2025 cũng nêu rõ: Đối với môn Ngữ văn, tránh sử dụng những VB, đoạn trích đã được học trong SGK để làm ngữ liệu KTĐG năng lực đọc hiểu và viết trong các đề đánh giá định kì nhằm khắc phục tình trạng HS chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.

Tuy nhiên, một số GV cảm thấy còn nhiều lúng túng trong việc lựa chọn ngữ liệu trong hoạt động đánh giá. Đồng thời, một bộ phận GV còn có tâm lí khi Bộ đã công bố cấu trúc đề tham khảo thi tốt nghiệp THPT và đề thi vào lớp 10 thì sẽ chỉ tập trung dạy học và KTĐG theo những nội dung có trong cấu trúc đề. Thực tế trên dẫn đến việc HS không đạt được các chuẩn đầu ra, tức không đáp ứng đầy đủ mục tiêu của CT.

Vì vậy, Bộ GDĐT đã tổ chức biên soạn tài liệu này để tập huấn cán bộ quản lí và GV cốt cán về xây dựng đề KTĐG định kì môn Ngữ văn, giúp GV hiểu đúng và thực hiện được việc ra đề KTĐG định kì đáp ứng yêu cầu sử dụng ngữ liệu và đảm bảo mục tiêu dạy học phát triển năng lực cho người học theo quy định của CT.

PHẦN I.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ TRONG MÔN NGỮ VĂN THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

1.1. Vai trò của KTĐG trong môn học Ngữ văn

KTĐG là một trong 4 thành tố quan trọng của quá trình dạy học (mục tiêu dạy học – nội dung dạy học – phương pháp dạy học và KTĐG). Theo tinh thần đổi mới giáo dục hướng đến mục tiêu phát triển năng lực của người học, các thành tố trên cần được phối hợp một cách hiệu quả trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học của GV, trong đó hoạt động đánh giá cần được thực hiện trong tất cả các thời điểm của quá trình giáo dục.

Đánh giá trong giáo dục nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học tập môn học; từ đó để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển CT, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục. Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong CT tổng thể và CT các môn học, hoạt động giáo dục. Phạm vi đánh giá bao gồm toàn bộ nội dung CT môn học và các hoạt động giáo dục. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS. Đánh giá theo năng lực không chỉ nhằm đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS mà phải hướng tới việc ĐG khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng và thái độ của HS để thực hiện nhiệm vụ học tập theo một chuẩn/yêu cầu cần đạt nhất định. Do đó, ĐG theo NL phải dựa trên việc miêu tả rõ một sản phẩm đầu ra cụ thể mà cả hai phía GV và HS đều biết và có thể ĐG được sự tiến bộ của HS dựa vào mức độ mà các em thực hiện sản phẩm.

Hiện nay, vấn đề đổi mới đánh giá đang được đặt ra như một trong những bước đột phá của giáo dục. Mục tiêu đánh giá đã có sự thay đổi, từ việc chỉ quan tâm đến đánh giá kết quả học tập của HS (assessment of learning) đến việc nhấn mạnh hơn đến mục đích đánh giá như một hoạt động học tập (assessment as learning) và đánh giá vì hoạt động học tập (assessment for learning). Điều này có nghĩa là, đánh giá không chỉ nhằm đưa ra những nhận định định tính hay định lượng về kết quả học tập của HS mà ĐG còn được coi là một phương pháp để HS tự rèn luyện, tự chiếm lĩnh tri thức, ĐG để thúc đẩy quá trình tìm kiếm và lí giải các thông tin của người học trong quá trình học tập để điều chỉnh nội dung và

phương pháp học tập trong các giai đoạn giáo dục tiếp theo.

Một trong những quan điểm đánh giá hiện đại là đánh giá phát triển (hay đánh giá vì sự phát triển của người học). Quan điểm đánh giá phát triển dựa trên lý thuyết về “vùng phát triển gần” của Vư-gôt-xki, theo đó, mỗi cá nhân bằng nỗ lực của mình có thể đạt được kết quả vượt qua khả năng thực tế của chính mình. Học tập phát triển là quá trình học để kiến tạo tri thức từ đơn giản đến phức tạp bằng khả năng tiềm tàng của các em; quá trình học tập là quá trình vận động của bản thân người học để vượt qua “vùng phát triển gần” của chính mình để hướng đến “vùng phát triển mới”. Đánh giá phát triển là đánh giá hướng đến “vùng phát triển gần” của người học, góp phần tác động và thúc đẩy quá trình phát triển. Đánh giá phát triển có mục đích quan trọng là đưa ra được những kết quả đáng tin cậy, qua đó khẳng định hiện trạng và tiềm năng phát triển của đối tượng so với mục tiêu đánh giá; giúp HS tự thấy được những ưu điểm, hạn chế, biết được nguyên nhân của những điểm hạn chế và có biện pháp khắc phục, từ đó tạo ra niềm tin và động lực để giúp HS có định hướng khắc phục những điểm chưa phù hợp để có thể đạt được mức năng lực cao hơn.

Có thể nói, trong quá trình đổi mới đánh giá giáo dục hiện nay, mục đích đánh giá đã được mở rộng theo hướng đánh giá không chỉ dừng lại ở việc mô tả và còn có vai trò dự báo, tạo cơ hội cho các đối tượng được tham gia vào các hoạt động đánh giá vì sự thành công của mỗi HS.

Với môn học Ngữ văn, hoạt động KTĐG cần đạt được những yêu cầu cơ bản như sau:

Thứ nhất, việc ĐG phẩm chất và NL ở môn Ngữ văn cần xuất phát từ các phẩm chất và NL đặc thù là NL ngôn ngữ và NL văn học, thể hiện thông qua 4 kĩ năng: đọc, viết, nói và nghe. Cần căn cứ vào các biểu hiện của phẩm chất và NL để xác định nội dung ĐG và hình thức ĐG cho phù hợp

Thứ hai, việc ĐG các NL chung và NL đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các nhiệm vụ học tập, các bài kiểm tra (đọc, viết, nói, nghe), bài tập nghiên cứu với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về các mạch kĩ năng đã được quy định trong CT Ngữ văn 2018 đối với mỗi lớp. Cần xây dựng được câu hỏi, bài tập một cách rõ ràng, có thể đo lường chính xác, đảm bảo độ tin cậy trong đánh giá; các đề thi, kiểm tra quan trọng (cuối kì, cuối cấp) cần yêu cầu HS vận dụng, thực hành với tình huống và ngữ liệu mới.

Thứ ba, dù ĐG theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, NL ngôn ngữ, NL văn học của chính các em, không vay mượn, sao chép; khuyến khích các sản phẩm có cá tính và sáng tạo.

1.2. Nội dung KTĐG theo yêu cầu cần đạt của CT GDPT môn Ngữ văn 2018

- Đánh giá phẩm chất trong môn Ngữ văn chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong các mối quan hệ. Đồng thời, qua việc đọc hiểu, viết, nói và nghe từ các ngữ liệu, các vấn đề được đề cập, GV có thể đánh giá các phẩm chất của HS (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm).

- Đánh giá các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả định tính và định lượng dựa trên yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói nghe trong CT GDPT môn Ngữ văn 2018. Cụ thể:

+ Đánh giá kĩ năng đọc: cần tập trung vào yêu cầu đọc hiểu về nội dung (xác định đề tài, chủ đề của văn bản, quan điểm và ý tưởng của người viết,...); đọc hiểu hình thức (xác định các đặc điểm của VB về phương thức thể hiện, nhất là về mặt thể loại, loại văn bản và ngôn ngữ sử dụng, các biểu hiện cụ thể của từng kiểu loại VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin,...); liên hệ, so sánh, kết nối (phân tích, nhận xét về giá trị và sự tác động của văn bản đối với bản thân, thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề đặt ra trong văn bản, liên hệ giữa các văn bản với đời sống,...). Trả lời các câu hỏi theo những mức độ tư duy khác nhau (nhận biết, phân tích suy luận, đánh giá và vận dụng).

+ Đánh giá kĩ năng viết: cần tập trung vào yêu cầu tạo lập các kiểu loại văn bản được quy định theo từng lớp. Chú trọng đánh giá tiến trình tạo lập văn bản và các sản phẩm viết cụ thể. Việc đánh giá kĩ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như: nội dung triển khai, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ, trình bày.

+ Đánh giá kĩ năng nói và nghe: cần tập trung vào chủ đề và mục tiêu của HĐ nói và nghe theo hướng giao tiếp. Với kĩ năng nói, chú ý đến các ngữ cảnh nói và đối tượng người nghe, qua đó thể hiện sự tự tin của người nói khi trình bày, giới thiệu, thuyết phục người nghe; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ khi trình bày. Đối với kĩ năng nghe, cần chú ý đến yêu cầu nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để

kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt. Bên cạnh đó cần chú ý đến kỹ năng nói và nghe tương tác (thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận, tranh luận, tranh biện).

+ Đánh giá năng lực chung: thông qua các hình thức và công cụ đánh giá (đánh giá cá nhân, đánh giá theo nhóm) để đánh giá các năng lực chung (tự học và tự chủ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) ngay trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập (chẳng hạn, đánh giá NL giao tiếp và hợp tác trong hoạt động Nói và Nghe, trong các hoạt động thảo luận nhóm); đồng thời có thể tích hợp đánh giá năng lực chung trong đánh giá định kì, đặc biệt là đánh giá năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.3. Các cách thức đánh giá trong môn Ngữ văn

Hoạt động ĐG nói chung và ĐG trong môn Ngữ văn thực hiện với các cách thức/loại hình: ĐG thường xuyên, ĐG định kì, thi (chuyên cấp, cuối cấp).

1.3.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên được thực hiện trong suốt quá trình dạy học, thông qua quan sát, ghi chép, đánh giá hằng ngày việc HS trả lời câu hỏi, phát biểu, thuyết trình, tranh luận, thảo luận, làm bài kiểm tra, viết phân tích và phản hồi văn học, viết thu hoạch, làm dự án, sưu tầm tư liệu, làm bài tập nghiên cứu,... . Đánh giá thường xuyên do GV tổ chức, hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HS, HS đánh giá lẫn nhau, HS tự đánh giá. Ngoài mục đích đánh giá kết quả học tập của HS, đánh giá thường xuyên có vai trò thúc đẩy quá trình học tập của HS, giúp GV có những điều chỉnh kịp thời trong các hoạt động dạy và học.

Đối với môn học Ngữ văn, theo tinh thần đổi mới hướng tới dạy "cách" học, việc đánh giá thường xuyên có thể góp phần kích hoạt tư duy và hứng thú của HS khi tham gia vào các nhiệm vụ học tập đọc, viết, nói và nghe; giúp HS từng bước tiếp nhận tri thức, hình thành và phát triển các kỹ năng và biết vận dụng có hiệu quả trong các tình huống thực tiễn. Do vậy, cần tổ chức HĐ đánh giá tại mọi thời điểm của quá trình dạy học, khai thác tốt nhất những nội dung, ngữ liệu trong SGK. Bên cạnh việc đánh giá các tri thức, kỹ năng mà HS đã hình thành trong quá trình học tập cần chú ý lồng ghép với những giá trị tự thân của các văn bản đọc, những vấn đề của cuộc sống kết nối từ văn bản và từ nội dung viết, nói và nghe, qua đó kết hợp đánh giá phẩm chất của người học. Theo các

quy định và thực tế KTĐG trong môn Ngữ văn, hoạt động đánh giá thường xuyên cần tập trung vào đánh giá kỹ năng đọc hiểu một số văn bản có giá trị, đại diện cho các loại, thể loại được quy định trong CT theo từng lớp; đánh giá các bước của quy trình tạo lập các kiểu loại văn bản; đánh giá hoạt động nói và nghe.

1.3.2. Đánh giá định kì

Đánh giá định kì được diễn ra ở thời điểm giữa hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối kì, cuối năm) do cơ sở giáo dục thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển CT, tài liệu học tập. Đánh giá định kì nhằm cung cấp thông tin về kết quả học tập của HS so với mục tiêu giáo dục của mỗi giai đoạn. Nó là cơ sở để phân loại, lựa chọn HS, phân phối HS vào các CT kiểm tra thích hợp, được lên lớp hay thi lại, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp cho HS và đưa ra những nhận xét tổng hợp về toàn bộ quá trình học tập của HS... Đánh giá định kì góp phần vào việc cải thiện kết quả học tập của HS trong giai đoạn học tập được đánh giá và cung cấp thông tin làm cơ sở cho việc cải tiến giai đoạn học tập này trong tương lai, cho những lớp HS kế tiếp.

Đánh giá định kì trong môn Ngữ văn được thực hiện thông qua đề kiểm tra hoặc một số hình thức khác (bài tập dự án, bài thực hành). Hiện nay, đánh giá định kì trong môn Ngữ văn thường tập trung vào công cụ là đề kiểm tra, với hai nội dung là đọc hiểu và viết. Đề kiểm tra có thể yêu cầu hình thức tự luận (gồm những câu hỏi mở), có thể kết hợp hình thức tự luận với trắc nghiệm khách quan (gồm những câu hỏi có nhiều lựa chọn trong đó chỉ có duy nhất một lựa chọn đúng hoặc một số dạng lựa chọn khác) để đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực viết của HS về một chủ đề nào đó theo từng kiểu văn bản đã học trong CT. Việc ra đề kiểm tra định kì cần được đổi mới cách thức đánh giá, sử dụng và khai thác ngữ liệu đảm bảo yêu cầu đánh giá năng lực của HS, khắc phục tình trạng học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu mà HS đã học để kiểm tra năng lực đọc hiểu và viết văn bản một cách sáng tạo, tránh sao chép văn mẫu.

1.3.3. Đánh giá diện rộng (ĐG trong các kì kiểm tra/thi của Phòng, Sở GDĐT; ĐG trong các kì thi)

Thi là loại hình đánh giá tổng kết, được diễn ra trong một số thời điểm nhất định của quá trình giáo dục (cuối cấp, chuyển cấp, tốt nghiệp, tuyển sinh đại học). Thi cử là loại hình đánh giá diện rộng. Các kì thi có mục đích thu thập thông tin

về chất lượng học tập của HS theo các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực sau một giai đoạn học tập; được sử dụng để ghi nhận kết quả đạt được của HS, so sánh, phân loại HS theo các mức độ phân hoá để hướng tới các mục đích khác nhau (tuyển sinh vào lớp đầu cấp, công nhận tốt nghiệp, căn cứ để xét tuyển đại học,...). Bên cạnh đó, một số kì kiểm tra/thi do các cấp quản lí cấp Phòng, Sở GDĐT tổ chức, với quy mô từ cụm trường trở lên; một số kì đánh giá quốc gia, quốc tế theo các giai đoạn học tập cũng được coi là đánh giá diện rộng.

Theo các quy định hiện tại, trong các kì thi chuyển cấp và thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia, các đề thi môn học Ngữ văn được sử dụng là đề thi được thiết kế theo hình thức tự luận, với hai phần đọc hiểu và viết, HS viết câu trả lời cho các câu hỏi đọc hiểu dựa trên văn bản ngữ liệu, và tạo lập đoạn văn, bài văn theo yêu cầu. Trong kì thi chuyển cấp lên lớp 10 do các tỉnh tổ chức, đề thi cũng có xu hướng chung là tự luận. Đồng thời, kĩ năng đọc hiểu và viết trong môn Ngữ văn cũng là những nội dung quan trọng trong đề thi của các kì đánh giá năng lực nhằm xét tuyển đầu vào ở một số trường đại học, với hình thức trắc nghiệm khách quan hoặc kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận.

Nếu đánh giá thường xuyên được thực hiện trong mọi thời điểm của quá trình dạy học, đánh giá định kì được thực hiện trong từng giai đoạn của quá trình dạy học thì các kì thi (đánh giá diện rộng) được tổ chức tại một số thời điểm đánh dấu “bước ngoặt” trong toàn bộ quá trình giáo dục. Mỗi loại hình đánh giá có một chức năng riêng, trong đó đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì được thực hiện trong toàn bộ quá trình dạy học, hướng tới đánh giá toàn bộ hệ thống chuẩn đầu ra của CT. Còn đối với các kì thi đánh giá trên diện rộng, với nội dung, thời gian, cách thức tổ chức hiện nay, một đề thi được thực hiện trong mỗi kì thi chuyển cấp và thi tốt nghiệp không thể bao quát được toàn bộ CT, nếu GV chỉ chú ý đến việc dạy những gì HS sẽ thi (thi gì học nấy) thì việc dạy học có nguy cơ bị lệch lạc. Hoạt động đánh giá thường xuyên và định kì có bám sát tất cả yêu cầu cần đạt của CT thì việc dạy học mới đảm bảo đáp ứng đầy đủ mục tiêu giáo dục. Vì vậy, các cấp quản lí, lãnh đạo ở địa phương cần chỉ đạo cụ thể và sâu sát hoạt động đánh giá thường xuyên và định kì trong quá trình tổ chức dạy học của GV. Khi thực hiện tốt hoạt động đánh giá thường xuyên và định kì đảm bảo đánh giá theo chuẩn đầu ra của CT, HS sẽ có đủ năng lực thực hiện các kì đánh giá trên diện rộng.

1.4. Các văn bản chỉ đạo về đổi mới đánh giá môn Ngữ văn

1.4.1. CT GDPT môn Ngữ văn 2018

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm giữa hoặc cuối một giai đoạn học tập (giữa HK, cuối học kì, cuối cấp học) do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề thi, kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (câu hỏi mở) để đánh giá đọc hiểu và yêu cầu viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu văn bản đã học trong chương trình. Có thể sử dụng hình thức kiểm tra vấn đáp (để đánh giá nói và nghe) nếu thấy cần thiết và có điều kiện. Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối năm học, cuối cấp học, cần đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá được năng lực của học sinh, khắc phục tình trạng học sinh chỉ học thuộc bài hoặc sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học để đánh giá được chính xác khả năng đọc hiểu và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học.

1.4.2. Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá HS THCS và THPT:

+ **Điều 2:** Đánh giá định kì là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong CT GDPT; cung cấp thông tin phản hồi cho cán bộ quản lí giáo dục, GV, HS để điều chỉnh hoạt động dạy học; xác nhận kết quả đạt được của HS.

+ **Điều 7:** Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập) có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút; đối với môn chuyên tối đa 120 phút.

Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong CT GDPT.

1.4.3. Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/07/2022 của Bộ GDĐT về hướng dẫn đổi mới PPDH và KTĐG môn Ngữ văn ở trường PT:

- a) Việc đánh giá HS trong môn Ngữ văn cần đảm bảo nguyên tắc phát huy được những mặt tích cực của cá tính, trí tưởng tượng, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, năng lực tư duy hình tượng và tư duy logic của HS.
- b) Tập trung thiết kế và sử dụng các câu hỏi, bài tập yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng đọc, viết, nói, nghe vào bối cảnh và ngữ liệu mới; tạo cơ hội để HS khám phá những tri thức mới, đề xuất ý tưởng và tạo ra sản phẩm mới; gợi mở những liên tưởng, tưởng tượng, huy động được vốn sống vào quá trình đọc, viết, nói, nghe.
- c) Trong đánh giá kết quả học tập cuối HK, cuối năm học, cuối cấp học, tránh dùng lại các văn bản đã học trong SGK làm ngữ liệu xây dựng các đề kiểm tra đọc hiểu và viết để đánh giá chính xác năng lực HS, khắc phục tình trạng HS chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.
- d) Khuyến khích việc xây dựng và sử dụng các đề mở trong KTĐG để phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của HS. Xây dựng bộ công cụ đánh giá để hạn chế tính chủ quan, cảm tính của người chấm. Khi nhận xét, đánh giá các sản phẩm của HS, cần tôn trọng và khuyến khích cách nghĩ, cách cảm riêng của HS trên nguyên tắc không vi phạm những chuẩn mực đạo đức, văn hóa và pháp luật.

1.4.4. Công văn 3935/BGDĐT-GDTrH ngày 30/07/2024 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025

Đối với môn Ngữ văn, tránh sử dụng những văn bản, đoạn trích đã được học trong SGK để làm ngữ liệu KTĐG năng lực đọc hiểu và viết trong các đề kiểm tra định kì nhằm khắc phục tình trạng HS chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn.

Nhìn chung, các VB trên đều nhấn mạnh đến việc đổi mới KTĐG môn Ngữ văn theo mục tiêu đánh giá năng lực HS, chú trọng đến việc đánh giá các năng lực đặc thù của môn học, đánh giá khả năng sáng tạo trong việc vận dụng tốt nhất các kiến thức, kỹ năng được học vào quá trình đọc, viết, nói và nghe một

cách chủ động của HS; đồng thời có những quy định khá cụ thể về hoạt động đánh giá định kì của môn học này.

PHẦN II.

NGŨ LIỆU SỬ DỤNG TRONG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN NGŨ VĂN CẤP THCS

2.1. Vai trò của ngữ liệu trong dạy học và KTĐG

Trong môn Ngữ văn, ngữ liệu là một bộ phận cấu thành của nội dung giáo dục, góp phần quan trọng vào việc hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất và năng lực được nêu trong chương trình. Khác với CT Ngữ văn 2006, Chương trình Ngữ văn 2018 có định hướng mở về ngữ liệu: CT không quy định cụ thể các văn bản ngữ liệu như một nội dung dạy học bắt buộc đối với tất cả các lớp. Tuy vậy, để bảo đảm nội dung giáo dục cốt lõi, thống nhất trên cả nước, bên cạnh những văn bản gợi ý tác giả sách giáo khoa và giáo viên lựa chọn, Chương trình quy định một số văn bản bắt buộc (06 tác phẩm) và các văn bản bắt buộc lựa chọn; đồng thời quy định một số tiêu chí lựa chọn ngữ liệu. Trong nội dung dạy học của mỗi lớp, Chương trình chỉ nêu định hướng về các loại văn bản và thể loại được dạy ở từng lớp; riêng ở cấp tiểu học có quy định độ dài của văn bản.

Trong các bộ SGK môn Ngữ văn, ngữ liệu có thể coi là “xương sống”, “hồn cốt” góp phần tạo nên diện mạo của từng bộ sách, và là căn cứ để tổ chức các hoạt động dạy học và KTĐG. Ngữ liệu là đối tượng trực tiếp của hoạt động đọc hiểu, và cũng là phương tiện để GV kiểm tra khả năng đọc hiểu và tạo lập văn bản của HS. Ngữ liệu được lựa chọn trong các bộ SGK môn Ngữ văn cấp THCS và THPT được kết nối theo các kiểu loại văn bản và các chủ đề hoặc nội dung để tổ chức các hoạt động đọc, thực hành tiếng Việt, viết, nói và nghe trong các bài học.

Để tổ chức hoạt động KTĐG môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực, việc lựa chọn các ngữ liệu cho đề kiểm tra/đề thi là hết sức quan trọng. Bởi lẽ, mục tiêu của CT GDPT 2018 là phát huy năng lực của người học, chống văn mẫu, chống sao chép trong thực hành KTĐG. Tuy nhiên, hiện nay vấn đề băn khoăn lớn nhất của GV (cả cấp THCS và THPT) trong cả nước là làm thế nào để có ngữ liệu chuẩn, ngữ liệu “ngoài SGK” theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quy định này rất cần thiết trong bối cảnh tình trạng dạy học theo “văn mẫu” hết sức trầm trọng, tuy nhiên, nó cũng gây ra lúng túng cả cho công tác chỉ đạo của các cơ sở giáo dục, cả cho hoạt động dạy học và KTĐG của GV.

2.2. Sử dụng ngữ liệu trong KTĐG định kì

CT Ngữ văn 2018 quy định về đổi mới KTĐG: *Tránh dùng dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học để đánh giá được chính xác khả năng đọc hiểu và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học.*

Vậy, vấn đề “tránh sử dụng ngữ liệu đã học trong SGK” nên hiểu như thế nào cho đúng?

Thông tư số 22 ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá HS trung học cơ sở và HS trung học phổ thông, tại khoản 1,2 điều 4 (Yêu cầu đánh giá) đã ghi rõ:

- Đánh giá căn cứ vào **yêu cầu cần đạt** được quy định trong CT GDPT.
- Đánh giá đảm bảo tính chính xác, **công bằng**, toàn diện, trung thực và khách quan.

Chính yêu cầu về tính công bằng trong KTĐG dẫn tới quy định bắt buộc phải sử dụng ngữ liệu ngoài SGK môn Ngữ văn trong các kì đánh giá diện rộng (thi). Chúng ta đang có 3 bộ sách đáp ứng được yêu cầu của CT và đang được triển khai dạy học trên cả nước. Chúng ta hiện cũng đang có một số kì thi (chuyên cấp, tốt nghiệp bậc THPT) cho tất cả HS. Vì vậy, trong các đề thi trên diện rộng, việc tránh sử dụng các văn bản đã được học trong cả 3 bộ sách chính là để đảm bảo tính công bằng cho tất cả thí sinh. Nếu ngữ liệu trong đề thi dùng trích đoạn của một tác phẩm nào đó mà chỉ xuất hiện ở một (hoặc hai) trong các bộ sách, ngay cả trích đoạn khác của tác phẩm đã được học, cũng là sự thiếu công bằng đối với những thí sinh học các bộ sách còn lại, chính vì vậy mà phải “tránh”.

Nhưng kiểm tra/đánh giá định kì thì khác. Khoản 3 điều 2 của Thông tư 22 nêu rõ: “Đánh giá định kì là hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện và học tập sau một giai đoạn trong năm học nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong CT GDPT”. CT GDPT 2018 cũng quy định rất cụ thể: “Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối HK, cuối cấp học) do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển CT, tài liệu học tập. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra hoặc đề thi viết [...]. Có thể sử dụng hình thức kiểm tra vấn đáp (để đánh giá nói và nghe) nếu thấy cần thiết và có điều kiện. Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối năm học,

cuối cấp học, cần đổi mới cách thức đánh giá (câu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá được năng lực của HS, khắc phục tình trạng HS chỉ học thuộc bài hoặc sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các văn bản ngữ liệu đã học để đánh giá được chính xác khả năng đọc hiểu và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học”.

Công văn 3175 của Bộ giáo dục và Đào tạo ngày 21/7/2022 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và KTĐG môn Ngữ văn ở trường phổ thông, cũng quy định rõ: “Trong đánh giá kết quả học tập cuối HK, cuối năm học, cuối cấp học, tránh dùng lại các văn bản đã học trong SGK làm ngữ liệu xây dựng các đề kiểm tra đọc hiểu và viết để đánh giá chính xác năng lực HS, khắc phục tình trạng HS chỉ học thuộc bài hoặc sao chép nội dung tài liệu có sẵn”. Như vậy có thể thấy, cả Thông tư 22 và CT GDPT cũng như Công văn hướng dẫn về KTĐG của Bộ đều không đặt ra những quy chuẩn về cấu trúc và định dạng cũng như hình thức KTĐG định kì đối với HS. Vì vậy, không nhất thiết phải áp dụng những yêu cầu và cấu trúc đề thi trên diện rộng đã được công bố với yêu cầu của đề kiểm tra định kì.

Việc đổi mới phương pháp dạy học và thay đổi ngữ liệu trong KTĐG trong môn Ngữ văn có thể xem là bước đột phá để giải quyết tình trạng sao chép văn mẫu. Tuy nhiên, ngữ liệu, dù đặc biệt quan trọng, vẫn chỉ là phương tiện mang tính khách quan. Yêu cầu mới khi lựa chọn ngữ liệu trong đánh giá sẽ tạo cơ hội để HS tiếp xúc với một đối tượng hoàn toàn mới, buộc các em phải đi trên một con đường lạ, kích thích các em tư duy trước một tình huống mới.

Mặt khác, cần lưu ý, chọn ngữ liệu là yêu cầu cần thiết trong KTĐG, nhưng hệ thống câu hỏi xây dựng trên ngữ liệu mới là điều kiện đủ để hướng tới mục tiêu ĐG năng lực. Trong đổi mới dạy học Ngữ văn, nếu chỉ đặt mục tiêu giúp HS áp dụng một số tri thức cơ bản về thể loại để đọc hiểu ngữ liệu mà không hướng tới việc hình thành cho các em khả năng tư duy chiều sâu để đánh giá giá trị đa chiều (theo các phương diện văn học, văn hóa, chính trị, lịch sử, kinh tế, tự nhiên, xã hội, cá nhân...) của tác phẩm, thì chưa thể khẳng định việc đổi mới đã đạt hiệu quả. Không phải sự thay đổi ngữ liệu trong môn học, mà chính sự thay đổi tư duy trong mỗi cá nhân mới thể hiện được khả năng sáng tạo của các em, khả năng phân tích nhiều góc độ, độc lập đánh giá giá trị của đối tượng, phản biện những lối mòn trong tư duy để nảy sinh những ý tưởng mới lạ,

đó mới chính là giá trị mà mỗi nền giáo dục cần định hướng tạo lập cho người học.

Bởi vậy, trong quá trình dạy học và KTĐG, GV cần đặt những câu hỏi phản biện, hoặc khuyến khích HS đặt những câu hỏi phản biện, buộc các em phải huy động kiến thức sâu rộng; khả năng lập luận chặt chẽ, linh hoạt; góc nhìn đa chiều để truy vấn hoặc bảo vệ quan điểm cá nhân. Bằng cách đó, ngay cả tác phẩm không mới vẫn có khả năng tạo cơ hội cho HS nảy sinh góc nhìn mới và nhận thức mới.

Cần lưu ý, CT Ngữ văn 2018 và các văn bản chỉ đạo của Bộ nêu chủ trương “tránh”, đồng thời khuyến khích xây dựng các đề mở để phát huy khả năng sáng tạo của HS, do vậy, GV cần hiểu chủ trương trên theo tinh thần mở và linh hoạt. Có nghĩa là GV vẫn được phép dùng lại các văn bản đã học để làm ngữ liệu đánh giá HS trong những bài kiểm tra thường xuyên hoặc giữa kì, dưới các hình thức linh hoạt như các dự án học tập, bài tập nghiên cứu khoa học, thảo luận, tranh biện,... đặc biệt với mục đích hình thành và phát huy tư duy phản biện cho HS.

2.3. Tiêu chí chọn ngữ liệu trong KTĐG định kì

Đánh giá năng lực là đánh giá kiến thức và kĩ năng trong những *bối cảnh có ý nghĩa*. Đối với môn Ngữ văn, bối cảnh có ý nghĩa được hiểu là HS sẽ được tiếp xúc với những văn bản ngữ liệu mới và nhiệm vụ đọc, viết tương đương với văn bản, nhiệm vụ đã học, đáp ứng mục tiêu dạy học phát triển năng lực. Vì vậy, trong việc lựa chọn ngữ liệu cho KTĐG định kì, cần đáp ứng một số yêu cầu sau đây:

- *Lựa chọn các văn bản ngữ liệu tương đương:*

Khái niệm “tương đương” có thể hiểu là:

+ Tương đương về thể loại (cùng thể loại với các thể loại văn bản đã học; hoặc một đoạn trích khác cùng tác phẩm có đoạn trích được học).

+ Tương đương về dung lượng/độ dài: Trong quy định về đề thi Tốt nghiệp THPT từ năm 2025 đã ghi rõ, dung lượng ngữ liệu của các loại văn bản được sử dụng trong Đề thi không vượt quá 1300 chữ (cho tất cả ngữ liệu). Tuy nhiên, đó là trong trường hợp đề thi sử dụng tới 2 ngữ liệu (cho cả phần Đọc hiểu và Viết). Trường hợp chỉ sử dụng 01 ngữ liệu, và với đề thi định kì, tùy vào độ phức tạp của văn bản và mục tiêu đánh giá của từng lớp mà dung lượng ngữ

liệu chỉ nên dao động từ khoảng 600 đến 1000 chữ. Văn bản trên 1000 chữ có lẽ là quá dài, ảnh hưởng nhiều đến quá trình/ khả năng tiếp nhận của HS.

- *Không trùng lặp với đoạn trích/văn bản đã học trong SGK do Bộ GDĐT đã ban hành:*

Trên cơ sở thực tế là hiện nay, có 03 bộ SGK đang được triển khai dạy học ở cả bậc THCS và THPT, mỗi trường/ cơ sở giáo dục (thậm chí mỗi địa phương) chỉ học 01 bộ sách, nên khi KTĐG định kì, GV chỉ cần tránh sử dụng lại những đoạn trích/văn bản đã học trong bộ SGK mà HS của từng trường cụ thể, đang học. Như vậy, vừa vẫn đảm bảo tính khách quan, vừa thuận lợi cho việc khai thác nguồn ngữ liệu. Bởi lẽ, các bộ sách hiện hành đã có sự chọn lựa khá kĩ về các ngữ liệu cho dạy học các thể loại văn bản. Những đoạn trích/ ngữ liệu này cũng đã được thông qua bởi Hội đồng thẩm định Quốc gia khi thẩm định từng bộ sách. Có thể coi đó là những ngữ liệu tiêu biểu cho các thể loại văn bản mà HS đã/cần được học. Mặt khác, việc lựa chọn một ngữ liệu phù hợp đối với phần đông các GV hiện nay là điều không dễ dàng. Do đó, tận dụng ngữ liệu từ các bộ sách khác là phương án khả thi và mang tính hiệu quả cao. Tuy vậy, việc sử dụng ngữ liệu ngoài tất cả 3 bộ SGK đang được lưu hành cần được khuyến khích.

- *Đúng loại/ thể loại, đã được học trong CT:*

Thực tế cho thấy, nhiều GV khi lựa chọn ngữ liệu cho đề kiểm tra đã có sự nhầm lẫn giữa các thể loại, hoặc không chọn được các ngữ liệu/đoạn trích tiêu biểu, vì cả những lí do khách quan và chủ quan. Vậy nên, nếu lựa chọn ngữ liệu trong/từ các bộ sách khác như đã nói ở trên sẽ đáp ứng được yêu cầu này.

- *Chứa đựng các yếu tố tiêu biểu cho loại/thể loại cần đánh giá:*

Không phải ngữ liệu nào cũng phù hợp cho các đề KTĐG cụ thể. Việc lựa chọn ngữ liệu cần đặc biệt chú ý tới tính phù hợp/ tiêu biểu cho từng thể loại cần đánh giá. Nhất là ngữ liệu đó phải/cần chứa đựng trong nó những yếu tố tiêu biểu cho các vấn đề được hỏi. Nói cách khác, để hỏi *đúng* và hỏi *trúng* vấn đề, người GV phải chọn lựa cho được các đoạn trích/ ngữ liệu tiêu biểu. Tránh tình trạng cứ có đoạn trích đúng thể loại, đúng dung lượng rồi thì chỉ quan tâm đặt câu hỏi cho đúng số lượng, đúng các mức độ chỉ báo của năng lực là được. Điều này dẫn tới việc khai thác văn bản một cách hời hợt, tùy tiện, không đáp ứng được yêu cầu đánh giá năng lực đối với HS.

- *Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm – sinh lí của HS, đảm bảo tính thẩm mỹ, nhân văn*

Các văn bản được lựa chọn cần có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ, phản ánh được các thành tựu tiêu biểu của văn học dân tộc ở các giai đoạn khác nhau; có tính nhân văn, giáo dục lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu chân thiện mỹ, tình yêu thiên nhiên, tinh thần hội nhập quốc tế, hướng đến những giá trị phổ quát của nhân loại. Đồng thời các văn bản cần phù hợp với tâm lí tiếp nhận của HS, có tính thời sự và mang hơi thở của cuộc sống đương đại.

- *Hạn chế dùng văn bản thơ dịch.*

- *Trích dẫn đúng quy cách, nguồn rõ ràng*

Nếu ngữ liệu là đoạn trích văn xuôi được trích từ một tác phẩm thì cần có phần tóm tắt bối cảnh của đoạn trích (có thể tóm lược nội dung tác phẩm hoặc giới thiệu bối cảnh, tình huống dẫn đến trích đoạn đó).

2.4. Định hướng sử dụng ngữ liệu trong đánh giá định kì

Để tránh áp lực cho GV trong việc tìm ngữ liệu cho đề KTĐG, có thể tìm và sử dụng ngữ liệu theo các cách sau đây:

- Sử dụng Ngữ liệu trong bộ SGK đang dạy

Các bộ SGK theo CT 2018 đều thiết kế các bài học theo các chủ đề hoặc loại, thể loại văn bản. Mỗi bài học có thể có từ 3 -5 văn bản. Trong trường hợp GV chỉ khai thác một vài văn bản trong số đó mà đã đáp ứng được yêu cầu cần đạt của bài học, có thể sử dụng ngay các văn bản HS chưa học trong chủ đề đó (các văn bản so sánh, kết nối, thực hành) làm ngữ liệu để ra đề kiểm tra cho HS của mình. Điều này không ảnh hưởng gì tới quy định *tránh sử dụng các ngữ liệu/văn bản đã được học*. Vì trên thực tế, các văn bản đó đối với HS, chính là những văn bản chưa được học, tức là văn bản/ngữ liệu đó được coi là mới. Tuy nhiên, các ngữ liệu này chỉ nên sử dụng trong KTĐG giữa kì.

- Ngữ liệu của các bộ SGK khác

Cách làm hiệu quả nhất và cũng tiện lợi nhất, là sử dụng các văn bản/ngữ liệu của các bộ sách khác làm ngữ liệu cho KTĐG. Chẳng hạn, HS học bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* có thể được kiểm tra bằng các văn bản/ngữ liệu của các bộ sách *Cánh Diều* hay *Chân trời sáng tạo*. Như vậy, GV sẽ có được đoạn trích/văn bản tương đương với đoạn trích/văn bản mà HS của mình đã được học.

- Ngữ liệu do GV lựa chọn ngoài các bộ SGK

Làm mới các ngữ liệu trong KTĐG luôn luôn là điều cần thiết để thực hiện yêu cầu đổi mới KTĐG; đồng thời cũng là điều khó khăn đối với mỗi GV. Chính vì cách hiểu “tránh/không sử dụng ngữ liệu trong các bộ SGK” thay vì “không sử dụng văn bản/ngữ liệu HS đã được học trong SGK” mà một số GV thường mặc định khi tìm văn bản/ngữ liệu cho đề kiểm tra là *tránh tất cả những ngữ liệu/văn bản đã được học ở cả ba bộ sách*. Điều này dẫn đến vô vàn những khó khăn cho GV với tư cách người ra đề. Bởi lẽ, lựa chọn được văn bản/thể loại tương đương đã khó, chọn những văn bản/ ngữ liệu mới đáp ứng các yêu cầu đặt ra (như thể loại, dung lượng, chứa đựng những yếu tố tiêu biểu cho thể loại cần đánh giá,...) lại càng khó hơn. Mặt khác, nhiều GV chưa/không phân biệt được sự khác nhau giữa một số thể loại (chẳng hạn giữa truyện ngắn với tiểu thuyết), nên khi lựa chọn và thiết kế các câu hỏi thường rơi vào lúng túng, ngữ liệu không được chọn lọc, câu hỏi không được lớp lang, bài bản. Thậm chí, có nhiều câu hỏi chỉ là hỏi cho có đủ số lượng và đúng cấu trúc, mức độ, còn hỏi có đúng và trúng vấn đề không lại không thật sự được quan tâm.

Tất nhiên, trong quá trình dạy học, mỗi GV cần phải thường xuyên tìm kiếm ngữ liệu, vừa để làm phong phú thêm cho việc dạy học trên lớp, vừa cần thiết cho việc cung cấp ngữ liệu để KTĐG. Lưu ý là việc lựa chọn ngữ liệu ngoài các bộ SGK, người GV cần tuân thủ những quy định cụ thể về văn bản/ngữ liệu dùng trong dạy học và KTĐG theo những quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Tóm lại, việc sử dụng ngữ liệu trong KTĐG cần được thực hiện như sau:

- **Đánh giá thường xuyên:** GV cần tận dụng và khai thác các ngữ liệu HS được học trong các văn bản đọc hiểu và các văn bản thực hành/tự đánh giá, thực hiện trong quá trình viết văn bản và nói - nghe, đặc biệt chú ý kiểm tra năng lực đọc hiểu các văn bản được quy định (06 tác phẩm). Đồng thời, GV có thể mở rộng đến những ngữ liệu khác để hướng đến năng lực vận dụng của HS.
- **Đánh giá định kì:** GV có thể lựa chọn ngữ liệu như sau:
 - + Ngữ liệu trong bộ SGK đang dạy: có thể chọn các văn bản thực hành, ngữ liệu trong bài ôn tập, ngữ liệu trong sách bài tập của bộ sách GV đang sử dụng. Các ngữ liệu này nên sử dụng trong KTĐG giữa kì.

+ Ngữ liệu của các bộ SGK khác: chọn các văn bản ngữ liệu tương đương, cùng thể loại trong bộ sách khác (VB HS không được GV dạy), bao gồm cả SGK Ngữ văn thuộc CT 2006. Có thể chọn các ngữ liệu này trong đánh giá giữa kì và cuối kì, quy mô đánh giá: trên lớp hoặc khối lớp.

+ Ngữ liệu do GV tự chọn (ngữ liệu ngoài tất cả các bộ SGK): GV chủ động xây dựng nguồn ngữ liệu để sử dụng trong các kì kiểm tra để vận dụng trong tất cả các thời điểm đánh giá định kì, nhất là kiểm tra ở thời điểm kết thúc năm học.

- **Đánh giá diện rộng** (kiểm tra cấp Phòng, Sở, thi tốt nghiệp, chuyên cấp): đề thi được biên soạn bởi các cấp quản lí, ngữ liệu trong các bài thi là ngữ liệu không có trong tất cả các bộ SGK mà HS được học.

PHẦN III

XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN NGỮ VĂN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

3.1. Cấu trúc đề kiểm tra định kì môn Ngữ văn cấp THCS

Kiểm tra định kì do nhà trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục. Theo định hướng của CT Ngữ văn 2018, đề kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (câu hỏi mở) để đánh giá đọc hiểu và yêu cầu viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu văn bản đã học trong CT; có thể sử dụng hình thức kiểm tra vấn đáp (để đánh giá nói và nghe) nếu thấy cần thiết và có điều kiện. Trong điều kiện thực tiễn hiện nay, đa số các trường sử dụng hình thức đề kiểm tra viết để đánh giá hai kĩ năng đọc hiểu và viết luận.

Căn cứ các quy định về KTĐG môn Ngữ văn, mối liên thông giữa các loại hình đánh giá (thường xuyên, định kì, thi), có thể xác định mô hình đề kiểm tra định kì môn Ngữ văn cấp THCS như sau:

+ Đề KT gồm hai phần Đọc – Viết: Tỉ lệ điểm có thể là 50/50 hoặc 60/40 (tùy vào độ khó/phức tạp của VB đọc và yêu cầu đặt ra với nhiệm vụ viết, mục đích đánh giá,...).

+ Số lượng câu hỏi đọc hiểu: khoảng 5-6 câu (với hình thức tự luận), có thể thay đổi linh hoạt tùy theo dạng câu hỏi sử dụng (tự luận hoặc TNKQ – số câu hỏi có thể từ nhiều hơn 6 câu).

+ Tích hợp đánh giá kiến thức tiếng Việt trong Đọc hiểu

+ Bám sát những kiểu loại văn bản đã được học xét trong từng thời điểm để đặt ra nhiệm vụ viết phù hợp (không thiên lệch về một kiểu văn bản nào).

+ Câu hỏi đọc hiểu ở mức “vận dụng” nên yêu cầu hình thức trả lời (trả lời trong khoảng bao nhiêu câu văn, hoặc trình bày bằng 1 đoạn văn bao nhiêu câu/chữ).

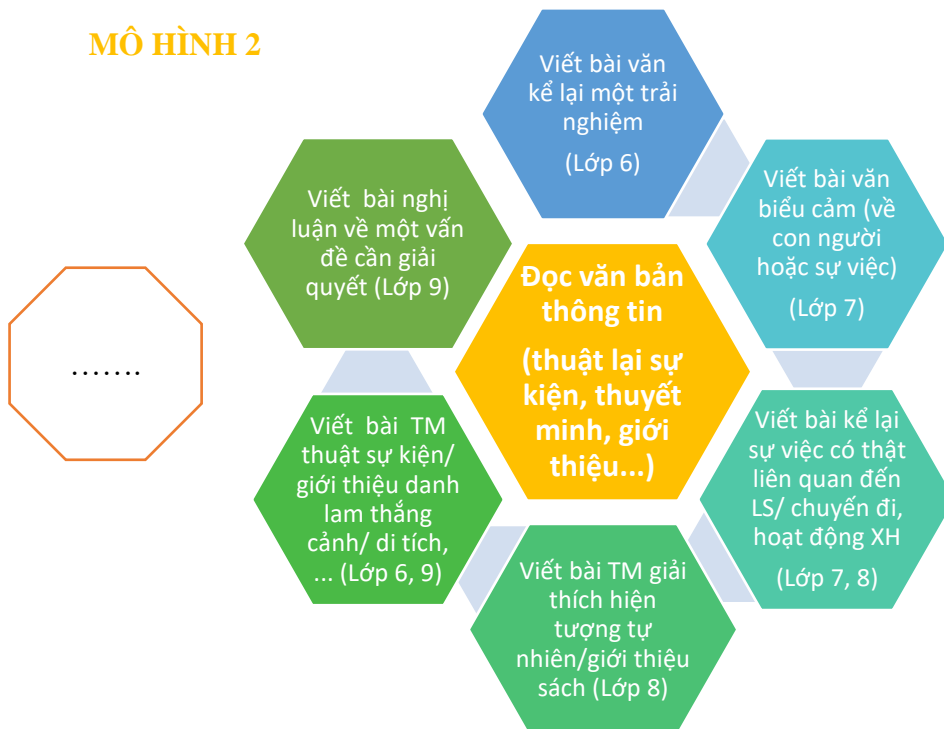
+ Khuyến khích: Tạo được sự kết nối phù hợp giữa các nhiệm vụ đọc và viết để thuận lợi cho HS trong quá trình tư duy, huy động hiểu biết của bản thân về vấn đề.

Nội dung kiểm tra giữa hai phần Đọc hiểu và Viết có thể được triển khai theo các mô hình cấu trúc như sau:

MÔ HÌNH 1



MÔ HÌNH 2



MÔ HÌNH 3



3.2. Kỹ thuật xây dựng CH đọc hiểu và viết luận

3.2.1. Kỹ thuật xây dựng câu hỏi đọc hiểu văn bản

Một số điểm cần chú ý khi thiết kế xây dựng câu hỏi phần Đọc hiểu trong KTĐG

- Cần bám sát mục tiêu và yêu cầu cần đạt của CT GDPT Ngữ văn 2018

Để đáp ứng tốt những mục tiêu giáo dục phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, khi thiết kế câu hỏi đọc hiểu trong đề kiểm tra, người GV cần đặt ra và tuân thủ một số nguyên tắc như sau:

- + Căn cứ vào đặc trưng thể loại của văn bản (VB Văn học, VB Nghị luận, VB Thông tin)
- + Đáp ứng các yêu cầu về mức độ năng lực (biết, hiểu, vận dụng)
- + Bám sát ngữ liệu, hỏi đúng (câu hỏi), trúng (vấn đề)

Để bám sát Ngữ liệu, hỏi đúng và hỏi trúng vấn đề, người GV cũng cần phải nắm vững nguyên tắc xây dựng đề KTĐG theo định hướng đánh giá năng lực của HS. Tiến trình xây dựng câu hỏi tuân theo trình tự Kiến thức – Chỉ báo/ biểu hiện của năng lực

- Cấp độ tư duy, bao gồm:

1. Xác định nội dung Kiến thức (từ một hoặc nhiều đơn vị kiến thức) để xây dựng bối cảnh “có ý nghĩa”.
2. Xác định chỉ báo/ biểu hiện của năng lực mà nội dung kiến thức đó phản ánh tốt nhất. Điều chỉnh bối cảnh và lệnh hỏi (khi cần thiết) để phù hợp với các chỉ báo/biểu hiện của năng lực cần đánh giá.

3. Xác định cấp độ tư duy phù hợp với nội dung kiến thức thể hiện ở bối cảnh đặt ra/xây dựng.

Như vậy, có thể hiểu là trong KTĐG định kì, GV được quyền linh hoạt về hình thức, chủ động về nội dung, đa dạng về cấu trúc và định dạng,... để hướng tới mục tiêu cao nhất là đánh giá được năng lực của HS theo Yêu cầu cần đạt của CT.

Để GV có định hướng biên soạn hệ thống câu hỏi KTĐG năng lực đọc hiểu văn bản, căn cứ bảng mô tả các mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh được nêu trong Chương trình môn Ngữ văn (3 mức biết – hiểu – vận dụng), có thể mô tả chi tiết về hệ thống câu hỏi đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản của HS như sau:

	CH nhận biết	CH thông hiểu	CH vận dụng
Mục đích đánh giá	Nhằm đánh giá khả năng tái hiện các thông tin được thể hiện một cách tường minh trong văn bản.	Nhằm đánh giá khả năng suy luận, tìm hiểu, phân tích những chi tiết, đặc điểm cụ thể về nội dung, hình thức của các kiểu loại văn bản.	Nhằm đánh giá tư duy bậc cao, khả năng tổng hợp, kết nối liên VB và kết nối VB với trải nghiệm và giá trị sống của cá nhân.
Từ ngữ thể hiện mức độ câu hỏi	<i>nêu, chỉ ra, kể lại</i> (câu chuyện, sự việc, đối tượng, thông tin,...); <i>xác định</i> (kiểu văn bản, thể loại; nhân vật, lí lẽ, bằng chứng, thông tin; biện pháp tu từ;...)	<i>phân tích</i> (chủ đề, thông điệp; tình cảm, cảm xúc của người viết; cách triển khai ý tưởng;...); <i>phân loại, so sánh</i> (đặc điểm kiểu văn bản, thể loại;...); <i>giải thích</i> (tác dụng của biện pháp tu từ,...); <i>tóm tắt</i> (các ý chính của một đoạn, nội dung của văn bản,...);	<i>kết nối</i> (nhân vật, văn bản,...); <i>liên hệ</i> (văn bản với bản thân, văn bản với bối cảnh,...); <i>cảm nhận</i> (những trải nghiệm riêng của cá nhân về văn bản); <i>nhận xét</i> (nội dung, hình thức, các biện pháp nghệ thuật, cách lập luận, đề tài, cách chọn lọc và sắp xếp thông tin, thái độ và quan điểm người viết;...)
Nội dung	Văn bản VH: câu hỏi về thể loại VB, đề tài,	Văn bản VH: câu hỏi phân tích mạch truyện; cấu tứ	Văn bản VH: câu hỏi đánh giá về giá

<p>câu hỏi (gắn với các kiểu loại văn bản)</p>	<p>nội dung khái quát của VB, nhân vật chính, các chi tiết tường minh, biện pháp tu từ được sử dụng,...</p> <p><u>Ví dụ:</u> Văn bản sử dụng thể thơ nào? Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai? Xác định ngôi kể của văn bản. Biện pháp tu từ nào được sử dụng?,...</p>	<p>của bài thơ; lí giải tác dụng của biện pháp tu từ; cách xây dựng hình ảnh, xây dựng nhân vật; phân loại, kết nối các mạch nội dung của văn bản; tình cảm, cảm xúc của tác giả,...</p> <p><u>Ví dụ:</u> Xác định mạch cảm xúc của văn bản. Nêu ý nghĩa của chi tiết. Nêu cảm hứng chủ đạo của văn bản. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ. Nhân vật được miêu tả từ những phương diện nào? Nhận xét về vẻ đẹp của nhân vật,...</p>	<p>trị của VB; kết nối văn bản với các vấn đề của đời sống; so sánh, kết nối liên văn bản; liên hệ văn bản với trải nghiệm của cá nhân,...</p> <p><u>Ví dụ:</u> Nêu thông điệp sâu sắc mà cá nhân nhận được qua văn bản. Văn bản đem lại cho bạn cảm nhận gì về vẻ đẹp và giá trị sống? Đánh giá về ý nghĩa, giá trị của văn bản,...</p>
	<p>VB nghị luận: câu hỏi nêu đặc điểm của kiểu VB, vấn đề được đề cập, các yếu tố phụ trợ, cấu trúc chung,...</p> <p><u>Ví dụ:</u> Vấn đề nghị luận được đề cập đến trong văn bản là gì? Vấn đề được trình bày theo lối nào (diễn dịch hay quy nạp)? Tác giả đã sử dụng yếu tố nào để hỗ trợ cho việc trình bày luận điểm?,...</p>	<p>VB nghị luận: câu hỏi phân tích mối quan hệ giữa luận đề và các luận điểm; lí giải, suy luận về lí lẽ và bằng chứng được trình bày trong VB; nhận xét về cách trình bày văn bản (giọng điệu, cảm hứng, biện pháp tu từ,...),...</p> <p><u>Ví dụ:</u> Tác giả đã sử dụng các luận điểm nào để làm rõ luận đề được đề cập trong văn bản? Những bằng chứng nào được đưa ra? Phân tích sự phù hợp giữa lí lẽ và bằng chứng.</p>	<p>VB nghị luận: câu hỏi khái quát ý nghĩa của vấn đề được đề cập trong VB; liên hệ giữa vấn đề được đề cập trong văn bản với trải nghiệm của cá nhân, về giá trị tư tưởng của VB với bối cảnh chính trị xã hội,...</p> <p><u>Ví dụ:</u> Vấn đề đặt ra trong văn bản có tác động đến người đọc như thế nào?</p>

		Giọng điệu và cách trình bày văn bản giúp gì cho tác giả trong việc thể hiện ý kiến, quan điểm?,...	Trình bày giá trị của văn bản khi ra đời và với cuộc sống đương đại hôm nay...
	<p>VB thông tin: câu hỏi xác định thông tin chính, một số đặc điểm về hình thức VB, một số đặc điểm ngôn ngữ thể hiện trong văn bản (biện pháp tu từ, kiểu câu,...).</p> <p><u>Ví dụ:</u> Văn bản đề cập đến đối tượng nào trong cuộc sống? Văn bản có sự kết hợp những yếu tố biểu đạt nào? Tác giả đã sử dụng những dấu hiệu hình thức nào để nhấn mạnh những nội dung thông tin về đối tượng?,...</p>	<p>VB thông tin: câu hỏi phân tích cách trình bày dữ liệu, thông tin của văn bản, lí giải mối quan hệ giữa các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong VB; suy luận về các tri thức đời sống được phản ánh trong văn bản; nhận xét về quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản.</p> <p><u>Ví dụ:</u> Tác giả đã trình bày thông tin theo cách nào? Hãy lí giải về mối quan hệ giữa các dữ liệu được đề cập đến trong văn bản. Nhận xét về yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản,...</p>	<p>VB thông tin: câu hỏi khái quát ý nghĩa của thông tin trong VB; liên hệ giữa vấn đề được đề cập trong văn bản với trải nghiệm của cá nhân; đánh giá về vị trí, đóng góp của thông tin với bối cảnh thực tiễn.</p> <p><u>Ví dụ:</u> Những thông tin được đề cập đến trong văn bản gửi tới người đọc thông điệp gì? Nếu ấn tượng và cảm nhận sâu sắc bạn rút ra được từ văn bản.</p>
Cách trả lời câu hỏi	- Đọc lướt văn bản, tập trung vào những đặc điểm được hiển thị một cách tường minh (qua các dấu hiệu hình thức) để nhận diện các yếu tố cơ bản liên quan đến thể	- Đọc kĩ văn bản, kết nối cảm xúc và suy nghĩ của cá nhân theo mạch đi của văn bản để tiếp nhận những nội dung chi tiết của văn bản; vận dụng những tri thức công cụ về đặc điểm thể loại VB để	- Suy ngẫm để chuyên từ văn bản vừa đọc thành văn bản trong tâm trí; kết nối những nội dung đã tìm hiểu qua các câu hỏi ở trên, vận dụng

	<p>loại và đối tượng được đề cập trong văn bản.</p> <p>- Trả lời trực tiếp vào câu hỏi, các thông tin cần đảm bảo độ chính xác (chẳng hạn: gọi tên thể loại, biện pháp tu từ, yếu tố hỗ trợ,...); câu văn ngắn gọn, cấu trúc đơn giản.</p>	<p>phân tích những yếu tố nội dung và hình thức biểu đạt của văn bản.</p> <p>- Cần trả lời trực tiếp vào nội dung yêu cầu, lựa chọn từ ngữ chính xác khi gọi tên sự vật hay đối tượng được đề cập trong văn bản. Cần có cái nhìn khách quan khi phát hiện và phân tích các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn bản, đồng thời thể hiện được góc nhìn riêng của người tiếp nhận.</p>	<p>những suy nghĩ và trải nghiệm của cá nhân để cảm nhận, đánh giá khái quát, tổng thể về văn bản; rút ra những giá trị mà VB mang lại cho cá nhân và cuộc sống.</p> <p>- Cần trả lời trong khoảng 5-7 câu văn hoặc đoạn văn theo yêu cầu. Cần trình bày được ý kiến của cá nhân về vấn đề được đặt ra của câu hỏi, có những ý kiến riêng sáng tạo và độc đáo trong cách tiếp nhận.</p>
Hình thức câu hỏi	<p>Tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận</p> <p>Số lượng câu hỏi:</p> <p>Tự luận: 1 – 2 câu</p> <p>TNKQ+TL: 2 – 4 câu</p>	<p>Tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận</p> <p>Số lượng câu hỏi:</p> <p>Tự luận: 2 – 3 câu</p> <p>TNKQ+TL: 2 – 4 câu</p>	<p>Tự luận</p> <p>Số lượng câu hỏi: 2 câu</p>

Lưu ý:

Về việc sử dụng hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận:

Đề thi, kiểm tra định kì đối với các bậc học THCS và THPT cũng đã được quy định rất rõ trong CT GDPT 2018. Đó là “có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu); có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (câu hỏi mở) để đánh giá đọc hiểu và yêu cầu viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu văn bản đã học trong CT.

Theo quy định đến thời điểm hiện tại, tại kì thi THPTQG, môn Ngữ văn là môn học duy nhất thi theo hình thức tự luận. Tuy nhiên, tại các kì đánh giá năng lực do một số trường đại học tổ chức, môn Ngữ văn được đánh giá theo cả hai hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận. Thực tế, việc xây dựng bộ công cụ đánh giá bằng hình thức TNKQ đối với môn học Ngữ văn là một việc không dễ dàng đối với các GV, để có một đề TN chuẩn thì quy trình rất công phu, đòi hỏi kĩ thuật và sự chuẩn hoá cao; nhưng nếu sử dụng câu hỏi TNKQ một cách phù hợp thì các câu hỏi sẽ có tác dụng tốt trong việc định hướng cho HS cách tiếp cận văn bản phù hợp (nhất là với những VB có độ phức tạp), có thể kiểm tra nhiều phương diện của văn bản. Do vậy, GV cần xác định cụ thể mục đích, đối tượng và thời điểm để chọn hình thức câu hỏi tự luận hoặc kết hợp TNKQ và tự luận.

3.2.2. Câu hỏi/đề viết bài văn

3.2.2.1. Xây dựng câu hỏi/nhiệm vụ viết bài văn

Công văn 3175 khuyến khích việc xây dựng và sử dụng các câu hỏi mở/đề mở trong KTĐG để phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của HS. Câu hỏi mở hay đề mở đòi hỏi tư duy phức tạp và tạo ra nhiều đáp án đúng/giải pháp phù hợp. Có thể thấy, câu hỏi mở là câu hỏi chấp nhận nhiều góc nhìn, phương án trả lời khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, điều quan trọng là HS thể hiện được nhận thức, lập luận phù hợp, đảm bảo logic để đưa ra câu trả lời. Câu hỏi mở tạo cơ hội cho HS thể hiện năng lực sáng tạo của bản thân và được sử dụng hữu hiệu để phân loại năng lực sáng tạo của HS. Trong yêu cầu tạo lập văn bản, đề mở là loại đề chỉ nêu vấn đề cần bàn luận trong bài nghị luận hoặc chỉ nêu đề tài để viết văn tự sự, miêu tả,... không nêu mệnh lệnh gì về thao tác lập luận như kiểu: hãy chứng minh, hãy phân tích, hãy giải thích,... hoặc phương thức biểu đạt như: hãy kể, hãy phát biểu cảm nghĩ,....

Ở câu hỏi mở, HS có thể có nhiều phương án trả lời đúng và đều được công nhận. Vấn đề chính là cách thức HS lí giải cho phương án trả lời của bản thân đưa ra. Tính mở của câu hỏi/đề mở được quy định trên các phương diện: (1) Nội dung: không bó buộc vào một vấn đề cụ thể hoặc chỉ nêu chủ đề, HS phải tự xác định vấn đề ; (2) Thao tác lập luận: không bắt buộc HS thực hiện yêu cầu của đề bằng các mệnh lệnh như: Hãy giải thích, hãy chứng minh, hãy bình luận... mà cho các em được linh hoạt vận dụng các thao tác lập luận để làm sáng tỏ vấn đề; (3) Phạm vi tư liệu: không giới hạn trong một khuôn khổ nhất

định, mà cho phép HS có cơ hội huy động kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau để làm sáng tỏ yêu cầu của đề.

- Những lợi ích của câu hỏi mở/đề mở:

Đối với GV:

+ Giúp GV phân hóa được năng lực và thành tích học tập của HS, từ đó có phương pháp đổi mới cách dạy và học để đạt hiệu quả cao nhất.

+ Giúp GV lựa chọn được đa dạng kiến thức, không bị gò bó.

+ Khuyến khích tính sáng tạo, linh hoạt của GV trong quá trình biên soạn câu hỏi, ra đề thi, KTĐG.

Đối với HS:

+ Giúp HS có được sự tự tin bằng cách giải quyết vấn đề một cách tự nhiên. HS nên học và có cách thể hiện kiến thức khác nhau. Các đặc điểm của câu hỏi mở sẽ giúp HS tiếp cận đa chiều để giải quyết vấn đề theo sự lựa chọn của bản thân. Do vậy, mức độ tự tin của các em cũng được nâng lên khi họ cần nỗ lực để giải quyết các vấn đề.

+ Giúp HS vận dụng linh hoạt hơn các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn.

+ Kiểm tra được khả năng diễn đạt, lập luận, quan điểm riêng của HS.

+ HS được chủ động chọn lọc thông tin, phát huy được những hiểu biết cá nhân ở mức tối đa, có thể áp dụng những kiến thức đã được học một cách linh hoạt, sáng tạo trong quá trình trả lời câu hỏi do câu hỏi mở không giới hạn chỉ trong những kiến thức các em đã học.

3.2.2.2. Xây dựng đáp án, hướng dẫn chấm điểm

- Xây dựng rubric chấm điểm bài viết.

Rubric là *bảng hướng dẫn ĐG theo tiêu chí*. Đó là một tập hợp các tiêu chí (được cụ thể hóa thành các chỉ báo, chỉ số hay các biểu hiện hành vi có thể quan sát được, đo đếm được) thể hiện mức độ đạt được của mục tiêu học tập và được sử dụng để ĐG hoặc thông báo về sản phẩm, NL thực hiện, hoặc quá trình thực hiện nhiệm vụ của HS.

Các tiêu chí thường được xác định để đánh giá bài viết của HS, bao gồm:

+ Xác định đúng kiểu bài

+ Xác định đối tượng, vấn đề

- + Đảm bảo cấu trúc hoàn chỉnh của bài viết
- + Hệ thống ý phù hợp, logic
- + Diễn đạt, trình bày
- + Sáng tạo riêng

- Lưu ý, trong đáp án chấm bài kiểm tra, bài thi cần tăng tỉ lệ điểm cho diễn đạt để GV và HS chú ý hơn đến kĩ năng sử dụng tiếng Việt. Lâu nay, phần đó chiếm tỉ lệ quá thấp nên nhiều GV bỏ qua, dẫn đến hậu quả là HS diễn đạt kém nhưng bài kiểm tra, bài thi vẫn có thể được điểm cao. Như vậy là chưa đúng với mục tiêu dạy học và đánh giá trong môn Ngữ văn.

Những lỗi cần tránh trong thiết kế câu hỏi KTĐG

- Thoát li yêu cầu của CT
- Hình thức trình bày câu hỏi không nhất quán (trả lời câu hỏi/thực hiện yêu cầu)
 - Lệnh hỏi không rõ ràng, gây nhiều cách hiểu khác nhau
 - Nhầm lẫn giữa các mức độ;...
 - Không hướng vào những yếu tố quan trọng/nổi bật/đặc trưng của thể loại
 - Hệ thống câu hỏi đọc hiểu không giúp HS hướng tới/hiểu được tinh thần chung của văn bản (câu hỏi rời rạc, chấp vá, tùy tiện, không có chủ ý,...)

3.3. Ma trận, đặc tả

Bản đặc tả tổng thể các bài kiểm tra định kì được xây dựng cần bao quát được các mạch nội dung của CT môn học theo từng lớp. Bản đặc tả gồm hai chiều: chiều dọc là các năng lực và thành tố của năng lực đọc và viết; chiều ngang là các mức độ phát triển dự kiến (cụ thể hoá 3 mức độ của CT: nhận biết, thông hiểu, vận dụng). Trong các ô sẽ đặc tả các tiêu chí và các chỉ số hành vi tương ứng với dòng và cột. Sau đây là bảng tổng hợp đặc tả nội dung đánh giá định kì môn Ngữ văn lớp 6, 7, 8, 9 (bảng khái quát). Từ bảng khái quát sẽ xây dựng các đề kiểm tra định kì minh họa cho những định hướng đã trình bày ở các phần trên.

3.3.1. Khung ma trận, đặc tả Lớp 6

TT	KN	Nội dung	Mức độ			Tổng
			Nhận biết (1)	Thông hiểu (2)	Vận dụng (3)	
1	Đọc	<p>Truyện thuyết</p> <p>Cổ tích</p> <p>Đồng thoại</p> <p>Truyện</p> <p>Thơ lục bát</p> <p>Thơ</p> <p>Văn bản nghị luận</p> <p>Văn bản thông tin (thuật lại một sự kiện)</p> <p>Thực hành tiếng Việt</p>	<p>- Nhận diện một số dấu hiệu về hình thức và nội dung liên quan đến đặc điểm của loại, thể loại/kiểu loại của văn bản (đề tài, đối tượng phản ánh, nội dung khái quát, người kể chuyện, lời người kể chuyện, lời nhân vật, nhân vật, số tiếng, số dòng, vần, nhịp, yếu tố miêu tả/ yếu tố tự sự trong thơ, ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, nhan đề, sa pô, đề mục,...)</p> <p>- Xác định được một số biện pháp tu từ trong văn bản (ẩn dụ, hoán dụ,...), từ đơn, từ phức, từ đa nghĩa, từ đồng âm,</p>	<p>- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm; mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng; mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; mối quan hệ giữa đặc điểm của VBTT với mục đích của nó.</p> <p>- Nhận biết được chủ đề, tình cảm, cảm xúc của người viết</p> <p>- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn; ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản có nhiều đoạn.</p> <p>- Xác định được một số yếu tố của truyện truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại, thơ lục bát, hồi kí/ du kí, văn bản nghị luận, văn bản thuật lại một sự kiện</p> <p>- Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ý nghĩ của nhân vật; tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ; tác dụng của sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng trong văn bản</p> <p>- Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả, vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ</p> <p>- Phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong văn bản (ẩn dụ, hoán dụ,...), chức năng của trạng ngữ, công dụng của dấu chấm phẩy, sự lựa chọn từ ngữ và một</p>	<p>- Nhận biết được những điểm giống và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản</p> <p>- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử, ý nghĩa của vấn đề do văn bản đã đọc gợi ra</p> <p>- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân</p>	

			trạng ngữ, các thành phần chính của câu, dấu chấm phẩy,...	số cấu trúc câu phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản,...		
		Câu hỏi	Tự luận: 1 – 2 câu TNKQ+TL: 3 – 4 câu	Tự luận: 2 – 3 câu TNKQ+TL: 3 – 4 câu	Tự luận : 1-2 câu	TL: 5-7 câu TL+TNKQ: 8-10 câu
		Tỷ lệ	15-20%	25-30%	10-15%	50-60%
2	Viết	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân	- Nhận diện kiểu bài, nội dung, vấn đề - Đảm bảo nguyên tắc trình bày (bố cục, chính tả, chữ viết).	- Xác định được các nội dung chi tiết, yếu tố cần triển khai liên quan đến đối tượng, vấn đề - Dùng từ, viết câu đúng	- Thực hiện đúng yêu cầu của kiểu bài (bố cục, sử dụng phù hợp các phương thức biểu đạt theo từng kiểu bài,...) - Đánh giá ý nghĩa của vấn đề - Kết nối nội dung, vấn đề với cá nhân, rút ra thông điệp - Có phát hiện, ý tưởng riêng, mới mẻ/ cách diễn đạt, trình bày độc đáo	
		Viết bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích				
		Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt				
		Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ lục bát				
		Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm				

		Viết văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện				
		Câu hỏi	1			1
		Tỷ lệ	5-10%	10-15%	20-25%	40-50%
		Tổng tỷ lệ	20-25%	30-40%	20 -30%	100%
		Tổng tỷ lệ	50-60%		40-50%	100%

3.3.2. Khung ma trận, đặc tả Lớp 7

TT	KN	Nội dung	Mức độ			Tổng
			Nhận biết (1)	Thông hiểu (2)	Vận dụng (3)	
1	Đọc	Truyện ngụ ngôn Truyện khoa học viễn tưởng Truyện Thơ Tùy bút, tản văn Tục ngữ Văn bản nghị luận Văn bản thông tin (giới thiệu quy tắc hoạt động hoặc luật	- Nhận diện một số dấu hiệu về hình thức và nội dung liên quan đến đặc điểm của loại, thể loại/kiểu loại của văn bản (đề tài, đối tượng phản ánh, nội dung khái quát, sự kiện, tình huống, người kể chuyện, nhân vật, chất trữ tình, ý kiến, lí lẽ, bằng	- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm; mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng; vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản; mối quan hệ giữa đặc điểm của VBTT/VBNL với mục đích của nó;... - Nhận biết được chủ đề/ nội dung chính, thông điệp; tình cảm, cảm xúc của người viết; mục đích của văn bản. - Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.	- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về VB - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả, nêu được lí do	

	<p>lệ trong trò chơi hay hoạt động)</p> <p>Thực hành tiếng Việt</p>	<p>chúng, thông tin cơ bản, cước chú,...)</p> <p>- Xác định được một số biện pháp tu từ trong văn bản (nói giảm, nói tránh,...), thành ngữ, tục ngữ, thuật ngữ, một số yếu tố Hán Việt thông dụng, số từ, phó từ, dấu chấm lửng, các phép liên kết, ngôn ngữ của các vùng miền, phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu)</p>	<p>- Xác định được một số yếu tố/ đặc điểm của truyền ngữ ngôn, truyện khoa học viễn tưởng, tục ngữ, tùy bút/ tản văn, văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động</p> <p>- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại, qua ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, qua lời của người kể chuyện; tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện.</p> <p>- Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.</p> <p>- Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng hoặc các đối tượng phân loại; tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ; tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong VBTT.</p> <p>- Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ trong văn bản (nói giảm, nói tránh,...); chức năng của thuật ngữ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó; chức năng của số từ, phó từ, dấu chấm lửng, các phép liên kết,...</p>		
	Câu hỏi	<p>Tự luận: 1 – 2 câu</p> <p>TNKQ+TL: 3 – 4 câu</p>	<p>Tự luận: 2 – 3 câu</p> <p>TNKQ+TL: 3 – 4 câu</p>	<p>Tự luận : 1-2 câu</p>	<p>TL: 5-7 câu</p> <p>TL+TNKQ: 8-10 câu</p>

		<i>Tỷ lệ</i>	15-20%	25-30%	10-15%	50-60%
2	Viết	Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	- Nhận diện kiểu bài, nội dung, vấn đề - Đảm bảo nguyên tắc trình bày (bố cục, chính tả, chữ viết).	- Xác định được các nội dung chi tiết, yếu tố cần triển khai liên quan đến đối tượng, vấn đề - Dùng từ, viết câu đúng	- Thực hiện đúng yêu cầu của kiểu bài (bố cục, sử dụng phù hợp các phương thức biểu đạt theo từng kiểu bài,...) - Đánh giá ý nghĩa của vấn đề - Kết nối nội dung, vấn đề với cá nhân, rút ra thông điệp - Có phát hiện, ý tưởng riêng, mới mẻ/ cách diễn đạt, trình bày độc đáo	
		Viết bài văn biểu cảm				
		Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết				
		Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ bốn, năm chữ				
		Viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học				
		Viết văn bản thuyết minh về một quy tắc/ luật lệ trong trò chơi/ hoạt động				
	<i>Câu hỏi</i>	1				1
	<i>Tỷ lệ</i>	5-10%	10-15%	20-25%	40-50%	
	Tổng tỷ lệ	20-25%	30-40%	40-50%	100%	
	Tổng tỷ lệ	50-60%			40-50%	100%

3.3.3. Khung ma trận, đặc tả Lớp 8

TT	KN	Nội dung	Mức độ			Tổng
			Nhận biết (1)	Thông hiểu (2)	Vận dụng (3)	
1	Đọc	<p>Truyện cười</p> <p>Truyện lịch sử</p> <p>Truyện</p> <p>Thơ trào phúng</p> <p>Thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt luật Đường</p> <p>Thơ</p> <p>Hài kịch</p> <p>Văn bản nghị luận</p> <p>Văn bản thông tin (giải thích một hiện tượng tự nhiên, giới thiệu một cuốn sách)</p> <p>Thực hành tiếng Việt</p>	<p>- Nhận diện một số dấu hiệu về hình thức và nội dung liên quan đến đặc điểm của loại, thể loại/ kiểu loại của văn bản (đề tài, đối tượng phản ánh, nội dung khái quát, sự kiện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ, xung đột, hành động, lời thoại, luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, thông tin cơ bản,...)</p>	<p>- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm; mối quan hệ giữa đặc điểm của VBTT/VBNL với mục đích của nó;...</p> <p>- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; thông tin cơ bản và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB;</p> <p>- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; một số căn cứ để xác định chủ đề; tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết.</p> <p>- Xác định được một số yếu tố/ đặc điểm của truyện cười, truyện lịch sử, thơ thất ngôn bát cú/ thơ tứ tuyệt luật Đường, thơ trào phúng, hài kịch, văn bản nghị luận, văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên, văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim</p> <p>- Phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn bản văn học, cốt truyện đơn tuyến</p>	<p>- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học</p> <p>- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học</p> <p>- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại</p> <p>- Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể</p>	

				<p>và cốt truyện đa tuyến; nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.</p> <p>- Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan, ý kiến đánh giá chủ quan.</p> <p>- Phân tích được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng, so sánh và đối chiếu.</p> <p>- Phân tích được tác dụng một số biện pháp tu từ trong văn bản (đảo ngữ, câu hỏi tu từ,...), từ tượng hình và từ tượng thanh, sắc thái nghĩa của từ và việc lựa chọn từ ngữ; chức năng của trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập trong câu, câu kể/ câu hỏi/ câu khiến/ câu cảm, câu khẳng định/ câu phủ định, các kiểu đoạn văn; nghĩa tường minh và hàm ẩn của câu,...</p>		
		Câu hỏi	Tự luận: 1 – 2 câu TNKQ+TL: 3 – 4 câu	Tự luận: 2 – 3 câu TNKQ+TL: 3 – 4 câu	Tự luận : 1-2 câu	TL: 5-7 câu TL+TNKQ: 8-10 câu
		Tỷ lệ	15-20%	25-30%	10-15%	50-60%
2	Viết	Viết bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội	- Nhận diện kiểu bài, nội dung, vấn đề	- Xác định được các nội dung chi tiết, yếu tố cần triển khai liên quan đến đối tượng, vấn đề	- Thực hiện đúng yêu cầu của kiểu bài (bố cục, sử dụng phù hợp các	

	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình/ phản đối) của người viết	- Đảm bảo nguyên tắc trình bày (bố cục, chính tả, chữ viết).	- Dùng từ, viết câu đúng	phương thức biểu đạt theo từng kiểu bài,...)		
	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.			- Đánh giá ý nghĩa của vấn đề		
	Viết bài phân tích một tác phẩm văn học			- Kết nối nội dung, vấn đề với cá nhân, rút ra thông điệp		
	Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách			- Có phát hiện, ý tưởng riêng, mới mẻ/ cách diễn đạt, trình bày độc đáo		
	Câu hỏi	1			1	
	Tỷ lệ	5-10%	10-15%	20-25%	40-50%	
	Tổng tỷ lệ	20-25%	30-40%	40-50%	100%	
	Tổng tỷ lệ	50-60%			40-50%	100%

3.3.4. Khung ma trận, đặc tả Lớp 9

TT	KN	Nội dung	Mức độ			Tổng
			Nhận biết (1)	Thông hiểu (2)	Vận dụng (3)	
1	Đọc	Truyện truyền kì	- Nhận diện một số dấu hiệu về hình thức và nội dung liên quan đến đặc điểm của loại, thể loại/ kiểu loại của văn bản (đề tài, đối tượng phản ánh, nội dung khái quát, sự kiện, không gian, thời gian, nhân vật, người kể chuyện, lời đối thoại, lời độc thoại, xung đột, hành động, lời thoại, luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng, thông tin cơ bản,...)	- Bước đầu phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chính thể tác phẩm. - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB VH, mối quan hệ giữa đặc điểm của VB TT/VBNL với mục đích của nó;... - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; thông tin cơ bản, ý nghĩa nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB; - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; một số căn cứ để xác định chủ đề; tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết; mục đích của văn bản. - Xác định được một số yếu tố/ đặc điểm của truyện truyền kì, truyện trinh thám, thơ song thất lục bát, bi kịch, văn bản nghị luận, văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.	- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học. - Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội - Vận dụng được những điều đã đọc từ văn bản để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.	
		Truyện trinh thám				
		Truyện thơ Nôm				
		Truyện				
		Thơ song thất lục bát				
		Thơ				
		Bi kịch				
		Văn bản nghị luận				
		Văn bản thông tin (giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử)				
		Bài phỏng vấn				
Thực hành tiếng Việt						

			<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VBNL. - Phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại trong truyện; cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày chủ quan trong VBNL - Phân tích được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu; quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản - Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học - Phân tích được tác dụng một số biện pháp tu từ trong văn bản (chơi chữ, điệp thanh, điệp vần,...), điển tích và điển cố, cách lựa chọn câu đơn, câu ghép, sự biến đổi và mở rộng cấu trúc câu, cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; chức năng của câu rút gọn và câu đặc biệt,... 			
		<i>Câu hỏi</i>	Tự luận: 1 – 2 câu TNKQ+TL: 3 – 4 câu	Tự luận: 2 – 3 câu TNKQ+TL: 3 – 4 câu	Tự luận : 1-2 câu	TL: 5-7 câu TL+TNKQ: 8-10 câu

		<i>Tỷ lệ</i>	15-20%	25-30%	10-15%	50-60%
2	Viết	Viết một truyện kể sáng tạo (dựa trên một truyện đã đọc)	- Nhận diện kiểu bài, nội dung, vấn đề - Đảm bảo nguyên tắc trình bày (bố cục, chính tả, chữ viết).	- Xác định được các nội dung chi tiết, yếu tố cần triển khai liên quan đến đối tượng, vấn đề - Dùng từ, viết câu đúng	- Thực hiện đúng yêu cầu của kiểu bài (bố cục, sử dụng phù hợp các phương thức biểu đạt theo từng kiểu bài,...) - Đánh giá ý nghĩa của vấn đề - Kết nối nội dung, vấn đề với cá nhân, rút ra thông điệp - Có phát hiện, ý tưởng riêng, mới mẻ/ cách diễn đạt, trình bày độc đáo	
		Viết văn bản nghị luận về một vấn đề cần giải quyết				
		Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ				
		Viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học				
		Viết bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử				
	<i>Câu hỏi</i>	1				1
	<i>Tỷ lệ</i>	5-10%	10-15%	20-25%	40-50%	
	Tổng tỷ lệ	20-25%	30-40%	40-50%	100%	
	Tổng tỷ lệ	50-60%			40-50%	100%

PHẦN IV
MỘT SỐ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN NGỮ VĂN CẤP THCS

4.1. Đề minh họa lớp 6

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 01

***Giới thiệu đề:**

- Đối tượng biên soạn: GV dạy bộ SGK *Cánh Diều*
- Thời điểm kiểm tra: Giữa HK 1
- Ngữ liệu sử dụng: Văn bản tương đương của các bộ SGK khác. Ở đề kiểm tra này lựa chọn bài thơ “Truyện cổ nước mình” (Lâm Thị Mỹ Dạ) có trong bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* để làm ngữ liệu đánh giá kỹ năng đọc hiểu thơ lục bát của HS.
- Tích hợp kiến thức tiếng Việt: Đề kiểm tra tích hợp 1 câu hỏi tiếng Việt về biện pháp tu từ ẩn dụ (vừa học), so sánh (đã học ở Tiểu học) phù hợp với ngữ liệu đọc hiểu
- Nhiệm vụ viết: *Kể lại một câu chuyện truyền thuyết hoặc cổ tích*, yêu cầu phù hợp với kiểu bài được học ở giai đoạn này và có sự kết nối nhất định với nội dung đọc hiểu văn bản.
- Mô hình đề: Mô hình 1 (Đọc hiểu VBVH – Viết bài kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích).
- Dạng đề: Tự luận
- Thời gian làm bài: 90 phút

*** Ma trận và đặc tả đề:**

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Đọc hiểu	Thơ lục bát	- Nhận biết được thể thơ; tình cảm, của người viết. - Nhận biết được một số đặc điểm của thơ lục bát	- Xác định được nội dung/ý nghĩa các câu thơ - Chỉ ra tác dụng của các BPTT được sử dụng	- Trình bày phù hợp về cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.	
		Số câu	2	2	1	5
		Số điểm	1.5	2.0	1.5	5.0
		Tỉ lệ	15%	20%	15%	50%

	2	Viết	Kể lại truyện truyền thuyết hoặc cổ tích bằng lời văn của em.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài, yêu cầu của đề - Sử dụng ngôi kể phù hợp - Trình bày (bố cục, chính tả, chữ viết) 	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được truyện sẽ kể - Kể lại được truyện với các sự việc chính - Dùng lời văn của bản thân 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của truyện - Phối hợp được các phương thức miêu tả, biểu cảm. 					
							Số câu	1			
							Số điểm	0.5	2.0	2.5	4
							Tỉ lệ	5%	20%	25%	50%
Tổng tỉ lệ			20%	40%	40%	100%					

ĐỀ KIỂM TRA

I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

LÂM THỊ MỸ DẠ

Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
 Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
 Thương người rồi mới thương ta
 Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
 Ở hiền thì lại gặp hiền
 Người ngay thì gặp người tiên độ trì
 Mang theo chuyện cổ tôi đi
 Nghe trong cuộc sống thâm thì tiếng xưa
 Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
 Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi
 Đời cha ông với đời tôi
 Như con sông với chân trời đã xa

Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình
Rất công bằng, rất thông minh
Vừa độ lượng lại đa tình, đa mang.
Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà
Đẻo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì
Tôi nghe chuyện cổ thâm thì
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau.
Đậm đà cái tích trâu cau
Miếng trâu đỏ thắm nặng sâu tình người.
Sẽ đi qua cuộc đời tôi
Bấy nhiêu thời nữa chuyển đời xa xôi.
Nhưng bao chuyện cổ trên đời
Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm.

(Lâm Thị Mỹ Dạ, *Tuyển tập*,
NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2011)

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 1 (0,75 điểm). Bài thơ được viết theo thể loại nào? Qua đó, người viết thể hiện tình cảm gì?

Câu 2 (1,0 điểm). Em hiểu ý nghĩa hai câu thơ “Mang theo chuyện cổ tôi đi/ Nghe trong cuộc sống thâm thì tiếng xưa” như thế nào?

Câu 3 (0,75 điểm). Chỉ ra cách gieo vần, ngắt nhịp trong đoạn thơ sau:

Đậm đà cái tích trâu cau
Miếng trâu đỏ thắm nặng sâu tình người.
Sẽ đi qua cuộc đời tôi
Bấy nhiêu thời nữa chuyển đời xa xôi.
Nhưng bao chuyện cổ trên đời
Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm.

Câu 4 (1,0 điểm). Phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu thơ sau:

Đời cha ông với đời tôi
 Như con sông với chân trời đã xa
 Chỉ còn truyện cổ thiết tha
 Cho tôi nhận mặt ông cha của mình

Câu 5 (1,5 điểm). Bài thơ đã gợi ra cho em về cách ứng xử như thế nào với truyện cổ dân gian mà ông cha ta để lại. Viết 4-5 câu để trả lời.

II. Viết (5,0 điểm)

Ngoài những truyện được học ở lớp 6, em còn thích một truyền thuyết thuyết hoặc cổ tích nào khác? Hãy kể lại truyện đó bằng lời văn của em.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THAM KHẢO SỐ 01

Nội dung	Điểm
ĐỌC HIỂU	5,0
Câu 1. - Xác định đúng thể thơ lục bát: 0,25 điểm - Nhận biết được tình cảm của người viết (yêu quý truyện cổ dân gian): 0,5 điểm	0,75
Câu 2. Xác định được 2 ý thể hiện nội dung các câu thơ (mỗi ý 0,5 điểm) - Niềm tin yêu của nhà thơ dành cho truyện cổ, coi truyện cổ là hành trang tinh thần luôn mang theo trong cuộc sống - Lắng nghe được “tiếng xưa” vọng về trong cuộc sống hôm nay (lời răn dạy, những bài học về lẽ sống để lương tâm con người trở nên tốt đẹp hơn).	1,0
Câu 3. HS chỉ đủ và chính xác những vần có trong 3 cặp câu (cau/sâu; tôi/xôi; đời/ngời): 0,5 điểm Xác định đúng nhịp chẵn qua 6 dòng thơ (2/4; 4/4; 2/4; 4/4; 4/2; 4/4): 0,25 điểm	0,75
Câu 4: HS chỉ ra và phân tích được tác dụng của BPTT so sánh: 0,5 điểm (đời cha ông, đời tôi được so sánh như con sông và chân trời đã	

<p>xa có ý nhấn mạnh khoảng cách điệu vọng giữa hai thế hệ nhưng vẫn có sự giao hòa, kết nối cùng nhau)</p> <p>HS chỉ ra và phân tích được tác dụng của BPTT ẩn dụ: 0,5 điểm (truyện cổ thiết tha được ngâm ví như một bức truyền thần kì điệu sẽ còn lại mãi mãi để các thế hệ sau nhận diện được ông cha của mình (qua những vẻ đẹp của tính cách và tâm hồn: công bằng, thông minh, độ lượng,...)</p>	1,0
<p>Câu 5. HS cần xác định được cách ứng xử phù hợp có ý nghĩa khái quát mà bài thơ gợi ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số câu phù hợp: 0,25 điểm - Một số câu thể hiện được sự trân trọng, yêu quý, tự hào,... về chuyện cổ nước mình: 0,75 điểm - Một số câu biết khái quát, mở rộng phạm vi đến giá trị của văn hóa dân gian/giá trị của văn hóa dân tộc: 0,5 điểm 	1,5
VIẾT	5,0
a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự (ba phần mở bài, thân bài, kết bài)	0,25
b. Xác định đúng yêu cầu của đề (kể lại truyện cổ tích/truyện thuyết bằng lời văn của em.)	0,25
c. Kể lại được nội dung truyện (đảm bảo các yêu cầu sau):	
- Giới thiệu được truyện cổ tích/truyện thuyết sẽ kể	0,25
- Bám sát nội dung, cốt truyện với các sự việc chính	2,0
- Nêu được ý nghĩa/giá trị, bài học của truyện	0,25
- Sử dụng ngôi kể phù hợp	0,25
- Sử dụng lời văn của bản thân	0,25
- Sử dụng kết hợp một số phương thức: Tự sự, miêu tả, biểu cảm,...	0,5
d. Chính tả, ngữ pháp, trình bày	
- Viết đúng chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, trình bày đúng quy định.	0,5

<i>Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i>	
e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về ý nghĩa, bài học của truyện hoặc có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm	10,0

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 02

* Giới thiệu đề:

- Thời điểm kiểm tra: cuối HKII.
- Đối tượng biên soạn: GV dạy bộ SGK *Chân trời sáng tạo*.
- Ngữ liệu sử dụng: Ngữ liệu do GV chọn từ sách bài tập của cùng bộ SGK. Ở đề kiểm tra này, GV chọn dùng văn bản *Chiến dịch giờ Trái Đất 2019 – Hành động nhỏ, ý nghĩa lớn* được trích dẫn từ sách bài tập của bộ SGK *Chân trời sáng tạo*.
- Nhiệm vụ viết: *Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện*, yêu cầu phù hợp với kiểu bài được học ở giai đoạn này và có sự kết nối nhất định với nội dung đọc hiểu văn bản.
- Mô hình đề: mô hình kiểm tra đọc hiểu VBTT + viết VBTM.
- Dạng đề: Tự luận
- Thời gian làm bài: 90 phút

* Ma trận và bảng đặc tả:

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả - Nhận biết được sa pô trong văn bản 	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn. - Nhận biết được văn bản thuật lại một sự kiện. - Nhận biết được vai trò của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân. 	

		Số câu	2TL	3TL	1 TL	6TL
		Số điểm	1.5	3.0	1.5	6.0
		Tỷ lệ	15%	30%	15%	60%
2	Viết	Bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài - Xác định đúng nội dung cần thuyết minh - Đảm bảo nguyên tắc trình bày (bố cục, chính tả, chữ viết). 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các sự kiện của lễ hội cần thuật lại theo diễn tiến thời gian - Dùng từ, viết câu đúng 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đúng bố cục của kiểu bài - Sử dụng được thuyết minh kết hợp với một số phương thức khác như biểu cảm, miêu tả - Sử dụng thông tin chính xác, tin cậy; từ ngữ chỉ thời gian, địa điểm thích hợp - Có cách thuyết minh sáng tạo/ Có cách diễn đạt, trình bày độc đáo 	
		Số câu	1			1
		Số điểm	0.5	1.5	2.0	4
		Tỷ lệ	5%	15%	20%	40%
Tổng tỷ lệ			20%	40%	40%	100%
Tỷ lệ chung			60%		40%	100%

ĐỀ KIỂM TRA

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHIẾN DỊCH GIỜ TRÁI ĐẤT 2019 – HÀNH ĐỘNG NHỎ, Ý NGHĨA LỚN

Tối 30 tháng 3 năm 2019, cùng với nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, đồng loạt 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam đã hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái Đất bằng hành động biểu trưng tắt đèn và giảm thiểu sử dụng các thiết bị điện trong 1 giờ. Đây là sáng kiến của Tổ chức Quốc tế về bảo tồn thiên nhiên (WWF) từ năm 2007.

(1) Tại Việt Nam, Chiến dịch Giờ Trái Đất là sự kiện thường niên do Bộ Công thương chỉ đạo tổ chức với sự phối hợp của thành phố Hà Nội, sự hỗ trợ và đồng hành của một số tập đoàn, công ti. Khác với những năm trước, Chiến dịch Giờ Trái Đất năm 2019 tập trung vào biện pháp và nội dung tuyên truyền thiết thực, sáng tạo với chủ đề “Tiết kiệm năng lượng, bảo vệ Trái Đất”. Chiến dịch này diễn ra trong suốt một tháng, với nhiều hoạt động ý nghĩa, nổi bật là lễ Khởi động, các tọa đàm¹ về môi trường và lễ Tắt đèn.

(2) Ngày 10 tháng 3, Chiến dịch Giờ Trái Đất 2019 chính thức được lan toả từ sự kiện Khởi động tại Tượng đài Cảm tử, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Sự kiện đã thu hút đông đảo sinh viên của nhiều trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội, nhiều tình nguyện viên và người dân Thủ đô tham gia.



Lễ Khởi động Chiến dịch Giờ Trái Đất 2019

(3) Nổi bật trong lễ Khởi động là hoạt động diễu hành. Hàng trăm người đã diễu hành và hô vang khẩu hiệu bảo vệ môi trường. Không chỉ người lớn, mà những em nhỏ cũng hào hứng tham gia hoạt động. Đây là một dịp để giáo dục các em về lối sống xanh². Trong khoảng thời gian giữa lễ Khởi động và lễ Tắt đèn là các tọa đàm về các giải pháp tiết kiệm năng lượng, như tọa đàm về “Giải pháp năng lượng xanh cho tương lai”, tọa đàm về “Tiết kiệm năng lượng, bảo vệ tầng ozone³” tại một số cơ sở sản xuất, đài phát thanh, đài truyền hình,...

¹ Tọa đàm: họp mặt để cùng nhau trao đổi

² Lối sống xanh: lối sống thân thiện với môi trường, hạn chế rác thải và các hoạt động gây hại đến môi trường.

³ Tầng ozone: khu vực thuộc khí quyển Trái Đất, có vai trò như một lá chắn bảo vệ Trái Đất khỏi tia cực tím từ Mặt Trời.

Tham dự các tọa đàm này có các đại sứ Giờ Trái Đất, là những nghệ sĩ, doanh nhân, nhà khoa học uy tín. Họ đã chia sẻ những kinh nghiệm của bản thân trong việc bảo vệ môi trường, từ đó lan tỏa thông điệp tích cực, góp phần nâng cao ý thức của cộng đồng.

(4) Lễ Tắt đèn hưởng ứng Chiến dịch được diễn ra tại Quảng trường Cách mạng tháng Tám, vào tối ngày 30 tháng 3. Đây là sự kiện chính của Chiến dịch Giờ Trái Đất 2019. Nghi thức tắt đèn diễn ra từ 20 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút. Trong một giờ đồng hồ, tại sân khấu chính nơi diễn ra sự kiện, các địa điểm công cộng tại thành phố Hà Nội, cũng như tại các hộ gia đình, những thiết bị điện không cần thiết đã được tắt. Khách giả tham gia sự kiện cùng nhau thưởng thức các tiết mục văn nghệ được trình diễn trong bóng tối, một cách cảm nhận văn nghệ đặc biệt, khó quên. Mọi người đều hiểu rõ, một hành động nhỏ, khi được cộng đồng chung tay thực hiện, đã tạo ra những thay đổi lớn để bảo vệ Trái Đất, bảo vệ Mẹ Thiên Nhiên và cũng là bảo vệ chính chúng ta.

(5) Mẹ Thiên Nhiên đã hào phóng ban tặng cho chúng ta sự sống, thức ăn, nơi trú ngụ để loài người sinh tồn và phát triển. Tuy vậy, nguồn tài nguyên Mẹ Thiên Nhiên ban tặng không phải là vô tận và các hoạt động sử dụng năng lượng của con người đang ngày càng làm vơi cạn nguồn tài nguyên ấy cũng như đang dần hủy hoại môi trường sống quanh ta. Hoạt động Giờ Trái Đất không chỉ có ý nghĩa thiết thực, giúp tiết kiệm điện mà còn góp phần tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, qua đó, nâng cao nhận thức của chúng ta về lối sống thân thiện với môi trường.

(7) Giờ Trái Đất — tắt đèn, bật tương lai!

(Theo Quyên Lưu, Hồng Hạnh, Hà Thanh Giang, tổng hợp từ các website của Bộ Công thương Việt Nam, Báo Nhân dân điện tử)

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 1 (0.75 điểm). Chỉ ra cách triển khai thông tin của đoạn (2), (3), (4) trong văn bản trên.

Câu 2 (0.75 điểm). Xác định sa pô trong văn bản trên.

Câu 3 (1.0 điểm). Tóm tắt nội dung chính của các đoạn (1), (2), (3), (4) trong văn bản trên.

Câu 4 (1.0 điểm). Trình bày tác dụng của hình ảnh được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 5 (1.0 điểm) Nêu hai dấu hiệu cho thấy văn bản *Chiến dịch Giờ Trái Đất 2019 – Hành động nhỏ, ý nghĩa lớn* là văn bản thuật lại một sự kiện.

Câu 6 (1.5 điểm). Cho biết văn bản trên giúp em hiểu thêm điều gì về trách nhiệm của con người đối với Mẹ Thiên Nhiên. Chỉ rõ vấn đề nào của văn bản trên đã gợi lên cho em (những) suy nghĩ ấy (trình bày trong khoảng 3-4 câu văn).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Tết Nguyên đán là lễ hội truyền thống lớn nhất trong năm của người Việt. Trong ngày Tết có nhiều hoạt động vui tươi, giàu ý nghĩa, thể hiện những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc. Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện mà em đã từng chứng kiến hoặc tham dự trong dịp Tết Nguyên đán.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 02

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Cách triển khai thông tin của đoạn (2), (3), (4) trong văn bản trên: triển khai theo trình tự thời gian	0,75
	2	Sa pô trong văn bản: <i>Tối 30 tháng 3 năm 2019, cùng với nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, Đây là sáng kiến của Tổ chức Quốc tế về bảo tồn thiên nhiên (WWF) từ năm 2007</i>	0,75
	3	Tóm tắt nội dung chính của các đoạn (1), (2), (3), (4) trong văn bản: (1) Chiến dịch Giờ Trái Đất năm 2019 tập trung vào biện pháp và nội dung tuyên truyền với chủ đề “Tiết kiệm năng lượng, bảo vệ Trái Đất”. (2) Ngày 10 tháng 3, Chiến dịch Giờ Trái Đất 2019 chính thức bắt đầu với sự kiện Khởi động tại Tượng đài Cảm tử, Hoàn Kiếm, Hà Nội (3) Hoạt động nổi bật trong lễ Khởi động là diễu hành. Khoảng thời gian giữa lễ Khởi động và lễ Tắt đèn là các toạ đàm về các giải pháp tiết kiệm năng lượng. (4) Lễ Tắt đèn, sự kiện chính của chiến dịch, được diễn ra vào tối ngày 30 tháng 3 từ 20 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút. Trong một giờ đồng hồ, tại nơi diễn ra sự kiện, các địa điểm công	1,0

	cộng ở Hà Nội và các hộ gia đình, những thiết bị điện không cần thiết đã được tắt. (Tóm tắt đúng nội dung đủ 4 đoạn được 1,0 đ, mỗi đoạn được 0,25 đ)	
4	Tác dụng của hình ảnh được sử dụng trong văn bản trên: bổ sung thông tin hình ảnh về lễ Khởi động của chiến dịch để làm tăng tính trực quan cho nội dung văn bản.	1,0
5	HS có thể nêu hai trong số những dấu hiệu sau để cho thấy văn bản bản <i>Chiến dịch Giờ Trái Đất 2019 – Hành động nhỏ, ý nghĩa lớn</i> là văn bản thuật lại một sự kiện: - Nội dung giới thiệu về sự kiện <i>Chiến dịch Giờ Trái Đất 2019</i> với những thông tin cụ thể về thời gian (một số mốc thời gian cụ thể vào tháng 3/2019), không gian (tại 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam, đặc biệt là tại Hà Nội) diễn ra sự kiện. - Trình bày các hoạt động của sự kiện theo trình tự thời gian. - Trình bày thông tin về sự kiện đảm bảo tính chính xác, tin cậy với những mốc thời gian, địa điểm cụ thể như <i>ngày 10 tháng 3, Tượng đài Cảm tử, Hoàn Kiếm, Hà Nội; Quảng trường Cách mạng tháng Tám vào ngày 30 tháng 3,...</i> - Kết hợp tường thuật với miêu tả, biểu cảm; kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (Mỗi dấu hiệu được 0,5 đ)	1,0
6	- Nêu được những hiểu biết của bản thân về trách nhiệm của con người đối với Mẹ Thiên Nhiên → Câu hỏi mở nhưng cần dựa trên nội dung của văn bản, chẳng hạn như: cần chung tay tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tránh khai thác cạn kiệt thiên nhiên để bảo vệ môi trường sống,... - Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân, chẳng hạn như: sự kiện Giờ Trái Đất cho thấy cần giảm thiểu sử dụng thiết bị điện để tiết kiệm nhiên liệu, tức là tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên,... (Trình bày mỗi ý được 0,75 đ)	1,5
II	VIẾT	4,0

	Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện mà em đã từng chứng kiến hoặc tham dự trong dịp Tết Nguyên đán.	
	<i>a. Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài:</i> thuyết minh thuật lại một sự kiện	0,25
	<i>b. Xác định đúng nội dung cần thuyết minh:</i> một sự kiện mà em đã từng chứng kiến hoặc tham dự trong dịp Tết Nguyên đán của dân tộc.	0,25
	<p><i>c. Triển khai bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>* Về hệ thống ý: (1.0)</p> <p>a) Mở bài: Giới thiệu rõ ràng về tên sự kiện, không gian, thời gian diễn ra sự kiện</p> <p>b) Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tái hiện được khung cảnh, không khí chung nơi diễn ra sự kiện - Thuật lại các hoạt động theo diễn tiến thời gian của lễ hội <p>c) Kết bài: Nêu ra được nhận xét, đánh giá hoặc cảm nhận của người viết về sự kiện.</p> <p>* Về bài viết: (1,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đúng bố cục 3 phần - Sử dụng kết hợp thuyết minh với một số phương thức khác như biểu cảm, miêu tả,... - Sử dụng thông tin chính xác, tin cậy; từ ngữ chỉ thời gian, địa điểm thích hợp 	2,5
	<p><i>đ. Diễn đạt</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p> <p>Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <p>Thể hiện cách thuyết minh sáng tạo, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

4.2. Đề minh họa lớp 7

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 03

○ **Giới thiệu đề:**

- Thời điểm kiểm tra: giữa HK I
- Đối tượng biên soạn: GV dạy bộ SGK *Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Ngữ liệu sử dụng: Văn bản thực hành đọc của Bài 2 “Khúc nhạc tâm hồn” (giả định đây là văn bản GV không dạy trên lớp/chưa định hướng cho HS đọc ở nhà).
- Nhiệm vụ viết: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ 4 chữ, 5 chữ.
- Mô hình đề KT: Mô hình 1 (đọc hiểu VBVH + viết VB biểu cảm).
- Dạng đề: TNKQ kết hợp Tự luận
- Thời gian làm bài: 60-70 phút

○ **Ma trận và đặc tả**

	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thể thơ - Nhận biết bức tranh khái quát trong bài thơ - Nhận biết biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được nội dung/ý nghĩa một số câu thơ - Lí giải được nét độc đáo của hình ảnh thơ - Chỉ ra tác dụng của BPTT được sử dụng 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày nhận xét về bức tranh thơ và tình cảm, cảm xúc của tác giả trong bài thơ 	
		Số câu	3 TNKQ	5 TNKQ	2 TL	8 TNKQ 2 TL
		Số điểm	1,0	2,0	2,0	5,0
		Tỷ lệ	10%	20%	20%	50%

2	Viết	Viết đoạn văn trình bày cảm nghĩ về bài thơ	- Xác định được đúng kiểu văn bản biểu cảm. - Xác định được đúng đối tượng. - Đảm bảo cấu trúc hình thức của đoạn văn	- Diễn tả được cảm xúc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ. - Đảm bảo sự phù hợp giữa ngôn từ, với nội dung, đối tượng; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	Có những ý phát hiện mới mẻ/có cách diễn đạt độc đáo.	
		Số câu	1 TL			1
		Số điểm	1.0	2.0	2.0	5,0
		Tỷ lệ	10%	20%	20%	50%
Tổng tỷ lệ		20%	40%	40%	100%	
Tỷ lệ chung		60%		40%	100%	

ĐỀ KIỂM TRA

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Chiều sông Thương

Hữu Thỉnh

Đi suốt cả ngày thu
vẫn chưa về tới ngõ
dùng dăng hoa Quan họ
nở tím bên sông Thương

nước vẫn nước đôi dòng
chiều vẫn chiều lười hái
những gì sông muốn nói
cánh buồm đang hát lên

đám mây trên Việt Yên
rủ bóng về Bồ Hạ
lúa cúi mình giấu quả

ruộng bời con gió xanh

nước màu đang chảy ngoan
giữa lòng mương máng nổi
mạ đã thò lá mới

trên lớp bùn sến sang
cho sắc mặt mùa màng
đất quê mình thịnh vượng
những gì ta gửi gắm
sấp vàng hoe bốn bên

hạt phù sa rất quen
sao mà như cỏ tích

mây cô coi máy nước
mắt dài như dao cau

bồi cho mùa phơi thai

ôi con sông màu nâu
ôi con sông màu biếc
dâng cho mùa sắp gặt

nắng thu đang trái đầy
đã trắng non múi bưởi
bên cầu con ghé đợi
cả chiều thu sang sông

(Ngữ văn 7, tập 1, SGK *Kết nối tri thức với cuộc sống*,

NXBGDVN, H.2022

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. Bài thơ *Chiều sông Thương* được viết theo thể thơ nào?

A. Thơ tự do

B. Thơ năm chữ

C. Thơ bảy ngôn

C. Thơ bốn chữ

Câu 2. Nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ nào trong hai dòng thơ: “Những gì sông muốn nói/ cánh đồng đang hát lên”?

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Điệp ngữ

D. Ẩn dụ

Câu 3. Trong cảm nhận của nhà thơ, sông Thương hiện lên như thế nào?

A. Dòng sông cuộn chảy với nhiều thác ghềnh

B. Dòng sông mềm như tấm lụa uốn quanh vùng Kinh Bắc

C. Dòng sông thơ mộng, hiền hòa chảy giữa vùng quê trù phú

D. Dòng sông chảy xiết mang theo nhiều phù sa

Câu 4. Dòng nào sau đây nêu đúng nhất ý nghĩa hình ảnh “hoa Quan họ” trong dòng thơ “dùng dăng hoa Quan họ”?

A. Đó là hình ảnh chỉ vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Kinh Bắc

B. Đó là hình ảnh những bông hoa bên bờ sông Thương

C. Đó là hình ảnh gợi lên vẻ đẹp thiên nhiên trên dòng sông Thương

D. Đó là hình ảnh gợi liên tưởng về vẻ đẹp của miền quê Quan họ

Câu 5. Nét độc đáo trong cảm nhận của nhà thơ về đất phù sa ở hai dòng thơ “hạt phù sa rất quen/ sao mà như cổ tích” là gì?

A. Đất phù sa mang sắc màu thời gian

B. Đất phù sa mang vẻ đẹp quê hương

C. Đất phù sa mang vẻ đẹp giản dị

D. Đất phù sa mang vẻ đẹp trù phú

Câu 6. Dòng nào nêu đúng nhất tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong khổ thơ sau?

*ôi con sông màu nâu
 ôi con sông màu biếc
 dâng cho mùa sắp gặt
 bồi cho mùa phơi thai*

- A. Làm cho giọng thơ trở nên bồi hồi say đắm
- B. Làm cho con sông hiện lên với vẻ đẹp phong phú, nhiều màu sắc
- C. Khẳng định giá trị của dòng sông làm cho đất đai trù phú, mùa màng bội thu
- D. Nhấn mạnh những cảm xúc ân tình tha thiết với đất mẹ quê cha

Câu 7. Hình ảnh đám mây chiều với dáng vẻ “rủ bóng” trong các dòng thơ “đám mây trên Việt Yên/ rủ bóng về Bồ Hạ” đã góp phần gợi lên điều gì?

- A. Sự bình yên, êm đềm trên một vùng quê trải dài trải rộng
- B. Bầu trời u ám trong một buổi chiều mùa thu
- C. Đám mây trôi chầm chậm từ Việt Yên về Bồ Hạ
- D. Hình ảnh trong trẻo, thơ mộng sáng mùa thu

Câu 8. Chữ “hát” trong hai dòng thơ “cánh buồm đang hát lên” diễn tả điều gì?

- A. Những con thuyền ra khơi và cánh buồm giương lên
- B. Tiếng hát của người chèo thuyền trên dòng sông Thương
- C. Những cảm xúc dâng trào toả lan trên khắp vùng quê Kinh Bắc
- D. Thuyền ra khơi và người chèo thuyền đang ca hát

Câu 9. Nêu nhận xét về tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trong bài thơ *Chiều sông Thương*.

Câu 10. Hình ảnh nào trong bài thơ đem lại cho em ấn tượng sâu sắc? Trình bày ấn tượng, cảm xúc của em về hình ảnh đó.

PHẦN II. VIẾT

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về tình quê hương được gợi ra từ bài thơ trên.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1 -	Câu 1: B Câu 2: B Câu 3: C Câu 4: A Câu 5: A Câu 6: D Câu 7: A Câu 8: C Mỗi câu trả lời đúng 0,25 đ	2,0

	9	<p>HS nêu được nhận xét về về tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trong bài thơ. Một số ý có thể đề cập đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thơ đang say sưa đứng ngắm nhìn cảnh vật, cánh đồng quê hương trong một nỗi niềm băng khuâng của người đi xa về thăm quê nhà một chiều thu. - Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp thơ mộng, yên bình và sức sống của miền quê quan họ bên dòng sông Thương; - Thể thơ năm chữ, giàu vần điệu nhạc điệu, lời thơ thanh nhẹ, hình tượng đẹp, trong sáng, cảm xúc dào dạt, băng khuâng, mênh mang, nặng ân tình đối với đất mẹ quê cha; - Chi tiết nào cũng giàu sức gợi, dân dã, thân thuộc, gợi đến nhiều miền quê trên đất nước. 	1,5
	10	<p>HS nêu và phân tích được ấn tượng về một hình ảnh trong bài thơ. HS có thể trình bày ấn tượng theo các cách khác nhau, song cần bám vào từ ngữ, cách tái hiện hình ảnh để miêu tả được vẻ đẹp của hình ảnh thơ và những cảm xúc mang lại cho cá nhân từ hình ảnh thơ đó.</p>	1,5
II		PHẦN VIẾT	5,0
		Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về tình quê hương được gợi ra từ bài thơ trên.	
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn</i>	0,5
		<i>b. Xác định đúng câu chủ đề.</i>	0,5
		Tình quê hương được gợi ra từ bài thơ trên	
		<i>c. Triển khai câu chủ đề thành các ý/nội dung phù hợp</i>	3,0
		<p>HS có thể triển khai ý theo nhiều cách trên cơ sở bảo đảm những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận khái quát về tình quê hương trong bài thơ - Cảm nhận về tình quê hương trong từ những trải nghiệm cá nhân (những hình ảnh, kỉ niệm,...) - Đánh giá được ý nghĩa quê hương đối với sự trưởng thành của bản thân em nói riêng và mỗi người nói chung. 	
		<ul style="list-style-type: none"> - Các ý được sắp xếp hợp lí, mạch lạc, có tính liên kết - Từ ngữ sử dụng có tính biểu cảm 	1,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i>	0,5
		Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
		<i>e. Sáng tạo: Ngôn ngữ sinh động, sáng tạo; có ý độc đáo.</i>	0,5
TỔNG ĐIỂM			10,0

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 04

* Giới thiệu

- Đối tượng biên soạn: GV dạy bộ SGK *Chân trời sáng tạo*
- Thời điểm kiểm tra: Cuối HK1
- Ngữ liệu sử dụng: Văn bản tương đương do GV tìm ngoài các bộ SGK. Đề kiểm tra này hướng tới mục đích đánh giá kỹ năng đọc hiểu VBTT giới thiệu quy tắc luật lệ của 1 hoạt động hay trò chơi.
- Tích hợp kiến thức tiếng Việt: mở rộng thành phần chính của câu
- Nhiệm vụ viết: Viết bài văn biểu cảm về con người/sự việc.
- Mô hình đề: Mô hình 2 (Đọc hiểu VBTT – Viết bài biểu cảm về con người hoặc sự việc).
- Dạng đề: Tự luận
- Thời gian làm bài: 90 phút

* Ma trận và đặc tả:

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Đọc hiểu	Văn bản thông tin giới thiệu về một quy tắc luật lệ của hoạt động	- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản.	- Xác định được mối quan hệ giữa đặc điểm hình thức và mục đích của văn bản.	- Nhận biết được tác dụng biểu đạt của một yếu tố ngôn ngữ trong văn bản.	
			- Nhận biết được vai trò của các chi tiết/yếu tố trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.	- Biết mở rộng thành phần chính của câu theo yêu cầu.		
			- Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản.	- Lí giải được việc sử dụng câu dựa trên đặc điểm của VBTT.		
			Số câu	2	2	
Số điểm	1.5	2.0	1.5	5.0		
Tỉ lệ	15%	20%	15%	50%		
2	Viết	Bài văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của mình về một	- Xác định đúng kiểu bài, yêu cầu của đề	- Giới thiệu được con người/sự việc; nêu được ấn tượng chung	- Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ phù hợp	

	con người hoặc sự việc	- Đảm bảo nguyên tắc trình bày (bố cục, chính tả, chữ viết)	- Nêu và lí giải nguyên nhân của những ấn tượng cụ thể về một con người/ sự việc gắn với các hành động, việc làm, diễn biến,...	- Nêu được ý nghĩa/bài học rút ra từ con người/sự việc - Kết hợp được các phương thức biểu cảm, tự sự, miêu tả... - Có tìm tòi, sáng tạo trong diễn đạt	
	Số câu	1			
	Số điểm	0.5	2.0	2.5	5.0
	Tỉ lệ	5%	20%	25%	50%
	Tổng tỉ lệ	20%	40%	40%	100%

I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC THĂM BỆNH NHÂN CỦA BỆNH VIỆN VIỆT PHÁP



- Thăm người bệnh vào giờ quy định: Từ 2h30 chiều đến 9h00 tối hàng ngày.
- Tối đa 2 khách thăm với mỗi người bệnh tại phòng đôi và 3 khách tại phòng đơn
- Rửa tay bằng cồn sát trùng khi vào thăm và ra khỏi phòng bệnh.
- Quý khách có thể được yêu cầu rời khỏi phòng bệnh bất cứ lúc nào nếu người bệnh cần chăm sóc y tế.
- Chúng tôi khuyến khích người bệnh và gia đình chủ động trong việc chăm sóc người bệnh. Nhân viên điều dưỡng có thể yêu cầu người nhà tham gia vào hoạt động chăm sóc người bệnh như cho người bệnh ăn, dùng thuốc hoặc hỗ trợ vệ sinh cá nhân.
- Không ngồi lên giường bệnh hoặc chạm vào vết thương, kim truyền, dụng cụ dẫn lưu hoặc ghi chép y tế của người bệnh cũng như để vật dụng cá nhân lên trên giường bệnh.
- Nếu thăm bệnh tại phòng cách li, chúng tôi có gắn khuyến cáo thăm bệnh trên cửa bệnh phòng. Vui lòng hỏi ý kiến nhân viên y tế của chúng tôi trước khi bước vào phòng bệnh cách li.
- Không mang theo vật nuôi vào khuôn viên bệnh viện.
- Nghiêm cấm hút thuốc ngoài các khu vực cho phép trong khuôn viên bệnh viện.
- Không mang theo hoa quả, thức ăn hay đồ uống cho người bệnh. Không mang theo đồ ăn có mùi như sầu riêng vào trong khuôn viên bệnh viện. Vui lòng cho phép nhân viên điều dưỡng kiểm tra qua tất cả đồ ăn thức uống trước khi đưa cho người bệnh dùng.
- Vui lòng tắt điện thoại hoặc để ở chế độ im lặng hoặc rung trong bệnh phòng tránh làm ảnh hưởng đến người bệnh khác.
- Không mang hoa hoặc cây cảnh vào trong phòng bệnh.
- Trẻ em dưới 16 tuổi phải có người lớn đi cùng. Trẻ em chỉ nên vào thăm người thân.
- Không nên đưa trẻ nhỏ và trẻ sơ sinh vào thăm người bệnh.
- Khách thăm không được phép ở lại qua đêm tại phòng đôi.

- Khách thăm có thể ở lại tại phòng bệnh đơn và không có chống chỉ định về y tế. Chi phí sẽ được tính thêm vào hóa đơn của người bệnh.
- Bệnh viện không chịu trách nhiệm cho bất kì mất mát hoặc thất lạc đồ dùng của người đến thăm bệnh.
- Yêu cầu khách đến thăm bệnh tôn trọng, lịch sự và tuân theo các chỉ dẫn của nhân viên y tế.

(Nguồn: <https://www.hfh.com.vn/vi/129/quy-dinh-tham-benh.html>)

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 1 (0,75 điểm): Văn bản trên giới thiệu về quy định gì, ở đâu? Để nhận biết nhanh nội dung chính của văn bản, người đọc có thể dựa vào yếu tố nào?

Câu 2 (1,0 điểm): Vì sao văn bản không trình bày theo cách viết liền mà xuống dòng liên tục với các kí hiệu chấm tròn (.) trước mỗi thông tin?

Câu 3 (0,75 điểm): Thông tin trong văn bản trên được trình bày theo trình tự nào?

Câu 4 (1,0 điểm): Có thể mở rộng thành phần chính của câu “Trẻ em chỉ nên vào thăm người thân.” bằng một cụm chủ vị như thế nào? Nên hay không nên dùng câu mở rộng đó để thay thế cho câu ban đầu (giải thích rõ)?

Câu 5 (1,5 điểm). Những từ ngữ hoặc cách diễn đạt nào khiến người đọc/người nghe văn bản cảm thấy được tôn trọng? Hãy lí giải câu trả lời của em.

II. Viết (5,0 điểm)

Chọn một trong số những gợi ý sau để viết bài văn thể hiện cảm xúc suy nghĩ của mình về:

- Một bác sĩ hoặc nhân viên y tế
- Một sự việc diễn ra ở bệnh viện hoặc trạm y tế.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 05

Nội dung	Điểm
ĐỌC HIỂU	5,0
Câu 1. - HS xác định đúng nội dung chính của VB giới thiệu về quy định thăm người bệnh của bệnh viện Việt Pháp (0,5 điểm)	0,75

<p>- Chỉ ra yếu tố để nhận biết nhanh nội dung chính của văn bản (nhân đề). (0,25 điểm)</p>	
<p>Câu 2. Mỗi ý đạt 0,5 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích (nguyên nhân không viết liền vì thông tin nhiều sẽ khó theo dõi); - Xác định được tác dụng của việc viết xuống dòng với từng ý (mỗi ý tương ứng với 1 điều được quy định, người đọc dễ theo dõi hơn/cách trình bày giúp thông tin mạch lạc, rõ ràng, dễ nắm bắt). 	1,0
<p>Câu 3. Chỉ ra được trình tự trình bày thông tin (theo nhóm vấn đề)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những quy định có tính chất chung nhất - Những quy định trong không gian phòng bệnh - Những quy định với đối tượng cụ thể vào thăm bệnh nhân - Những lưu ý về trách nhiệm của bệnh viện với người vào thăm bệnh nhân <p>(Nêu được ý khái quát về cách trình bày: 0,25 điểm; nêu được ít nhất 2/4 nhóm cụ thể đạt 0,5 điểm)</p>	0,75
<p>Câu 4. Mỗi ý 0,5 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng được thành phần câu bằng cụm chủ vị. Ví dụ: Trẻ em chỉ nên vào thăm <u>người thân là bố mẹ, anh chị em ruột của mình.</u> - Lí giải phù hợp dựa trên đặc điểm của văn bản thông tin (ưu tiên việc trình bày thông tin ngắn gọn, rõ ràng), do đó không nên dùng câu sau khi mở rộng để thay thế cho câu ban đầu. 	1,0
<p>Câu 5. Nhận ra và lí giải được một yếu tố hình thức của văn bản thông tin (những từ ngữ/cách diễn đạt lịch sự, khiến người nghe hài lòng) từ đó thấy được tính kết nối giữa hình thức và mục đích của văn bản. Câu trả lời cần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được ít nhất 2 yếu tố (gồm từ ngữ hoặc cách diễn đạt), ví dụ: Quý khách/ Vui lòng hỏi ý kiến nhân viên y tế/ Vui lòng cho phép nhân viên/ Vui lòng tắt điện thoại (0,5 điểm) - Lí giải được về câu trả lời dựa trên đặc điểm/tác dụng của những từ ngữ hoặc cách diễn đạt đó (ví dụ: thể hiện sự tôn trọng với đối tượng được nói tới nên dùng từ xưng hô lịch sự, trang nhã “quý khách”; thể hiện thái độ lịch 	1,5

sự, mềm mỏng trong giao tiếp (vui lòng – làm việc gì đó, khi đề cập đến những quy định ít nhiều gây ra phiền toái cho đối tượng). (1,0 điểm)	
VIẾT	5,0
a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn biểu cảm (ba phần mở bài, thân bài, kết bài)	0,25
b. Xác định đúng yêu cầu của đề (bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về một bác sĩ/nhân viên y tế hoặc một sự việc tại bệnh viện/trạm y tế)	0,25
c. Thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về con người hoặc sự việc (đảm bảo các yêu cầu sau):	
- Giới thiệu được về một bác sĩ/nhân viên y tế hoặc một sự việc tại bệnh viện/trạm y tế)	0,25
- Nêu ấn tượng chung về một bác sĩ/nhân viên y tế hoặc một sự việc tại bệnh viện/trạm y tế)	0,25
- Nêu và lí giải nguyên nhân của những ấn tượng cụ thể về một bác sĩ/nhân viên y tế hoặc một sự việc tại bệnh viện/trạm y tế) – gắn với các hành động, việc làm, diễn biến,...	2,0
- Thể hiện tình cảm, thái độ, mong muốn của mình đối với một bác sĩ/nhân viên y tế hoặc một sự việc tại bệnh viện/trạm y tế)	0,25
- Nêu được ý nghĩa/bài học rút ra trước lối sống của bác sĩ/nhân viên y tế hoặc ý nghĩa một sự việc tại bệnh viện/trạm y tế)	0,25
- Sử dụng kết hợp một số phương thức: Biểu cảm, tự sự, miêu tả, nghị luận,...	0,5
d. Chính tả, ngữ pháp - Viết đúng chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. <i>Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i>	0,5
e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về ý nghĩa, bài học về con người/sự việc hoặc có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm	10,0

4.3. Đề minh họa lớp 8

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 05

* Giới thiệu

- Đối tượng biên soạn: GV dạy bộ SGK *Chân trời sáng tạo*
- Ngữ liệu sử dụng: Văn bản tương đương trong các bộ SGK khác. Ở đây là văn bản trong SGK Ngữ văn thuộc CT 2006, cũng được SGK Ngữ văn 8, Tập 1 bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống* sử dụng. Đề kiểm tra này hướng tới mục đích đánh giá kỹ năng đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội.
- Tích hợp kiến thức tiếng Việt: Nghĩa hàm ẩn
- Nhiệm vụ viết: Viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống.
- Mô hình đề: Mô hình 2 (Đọc hiểu VBNL – Viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống).
- Dạng đề: Tự luận

* Ma trận và đặc tả:

○	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận xã hội	- Nhận ra được luận đề, luận điểm của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ của lí lẽ và dẫn chứng trong việc thể hiện luận đề.	- Xác định được hàm ý trong câu (qua đó thấy được thái độ của người viết). - Lí giải được về lí lẽ, bằng chứng khách quan sử dụng trong VB.	- Kết nối được vấn đề gợi ra từ văn bản với cá nhân/cộng đồng.		
			Số câu	2	2	1	5
			Số điểm	1.5	2.0	1.5	5.0
			Tỉ lệ	15%	20%	15%	50%
2	Viết	Bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống	- Xác định đúng kiểu bài - Giới thiệu được vấn đề nghị luận - Đảm bảo nguyên tắc trình	- Nêu ấn tượng, cảm nhận chung về vấn đề - Lí giải, phân tích được các	- Nêu được ý nghĩa của vấn đề, nhận xét bàn luận về vấn đề		

		bày (bố cục, chính tả, chữ viết)	biểu hiện cụ thể của vấn đề. - Đưa ra được những bằng chứng phù hợp về vấn đề	- Kết hợp được các phương thức biểu cảm, tự sự, miêu tả... - Có tìm tòi, sáng tạo trong diễn đạt	
	Số câu	1			
	Số điểm	0.5	2.0	2.5	4
	Tỉ lệ	5%	20%	25%	50%
Tổng tỉ lệ		20%	40%	40%	100%

I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào⁽⁴⁾ ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng bị tạm chiếm⁽⁵⁾, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng⁽⁶⁾ tiêu diệt giặc, đến

⁴ *Kiều bào*: người dân một nước sinh sống ở nước ngoài

⁵ *Vùng bị tạm chiếm*: vùng đất đang tạm thời bị giặc chiếm đóng. Ở đây chỉ vùng bị quân xâm lược Pháp chiếm trong thời kì nhân dân ta kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954)

⁶ *Đặng*: để

những công chức⁽⁷⁾ ở hậu phương⁽⁸⁾ nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ⁽⁹⁾ quyên ruộng đất cho Chính phủ,... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công cuộc yêu nước, công việc kháng chiến.

(Trích *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 7 tr38-39, NXB Chính trị Quốc gia
- Sự thật, Hà Nội, 2011)

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 1 (0,75 điểm). Văn bản đưa ra những luận điểm nào để làm sáng tỏ luận đề?

Câu 2 (0,75 điểm): Để khẳng định ý kiến, tác giả đã đưa ra những lí lẽ nào, dẫn chứng được sắp xếp ra sao?

Câu 3 (1,0 điểm). Mong muốn của người viết nhắn gửi trong câu “Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý.” là gì?

Câu 4 (1,0 điểm). Phân tích một ví dụ cho thấy người viết đã sử dụng lí lẽ và bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) trong văn bản.

Câu 5 (1,5 điểm). Văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* đã thuyết phục em thêm tin tưởng vào điều gì và điều đó có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân em?

II. Viết (5,0 điểm)

Người dân Việt Nam hiện nay đã biểu hiện tinh thần yêu nước như thế nào? Em hãy viết bài văn trình bày ý kiến của mình.

⁷ *Công chức*: người làm việc trong các cơ quan nhà nước

⁸ *Hậu phương*: vùng ở phía sau tiền tuyến, xa nơi có chiến sự, là nơi để xây dựng lực lượng, huy động sức người, sức của phục vụ cho cuộc chiến đấu (*hậu*: sau, *phương*: hướng, phía).

⁹ *Điền chủ*: người có nhiều ruộng đất (*điền*: ruộng, *chủ*: người chủ)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 06

Nội dung	Điểm
ĐỌC HIỂU	5,0
<p>Câu 1. HS chỉ ra được các luận điểm của bài (mỗi ý: 0,25 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Truyền thống yêu nước thể hiện trong lịch sử dân tộc + Truyền thống yêu nước thể hiện ở hành động việc làm của đồng bào ta ngày nay + Truyền thống yêu nước cần được giữ gìn và phát huy (bồn phận của chúng ta). 	0,75
<p>Câu 2. Mỗi ý đạt 0,5 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được hai lí lẽ 1/<i>Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước.</i> 2/<i>Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.</i> - Chỉ ra được cách sắp xếp dẫn chứng từ quá khứ đến hiện tại có dụng ý nhấn mạnh “điểm rơi” là hiện tại để khơi dậy tinh thần yêu nước của toàn dân tộc trong thời điểm khó khăn của dân tộc nhằm huy động sức mạnh toàn dân thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến. 	1,0
<p>Câu 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xác định đúng hàm ý: Truyền thống yêu nước là tài sản của dân tộc, cần được giữ gìn, phát huy (0,5 điểm) - Kết nối từ hàm ý để thấy được thái độ của người viết: tự hào về truyền thống của đất nước, biết ơn thế hệ ông cha (0,25 điểm) 	0,75
<p>Câu 4. Mỗi ý 0,5 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được lí lẽ và bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) trong văn bản (có thể nêu 1 trong 2 lí lẽ, tham khảo câu 2) kèm theo bằng chứng phù hợp được sử dụng trong bài. - Phân tích lí giải và nhấn mạnh đến tính khách quan (gắn với thực tiễn lịch sử của dân tộc); tính thuyết phục (bởi độ chính xác, tin cậy, điển hình),... 	1,0
<p>Câu 5. HS có thể đưa ra các câu trả lời khác nhau nhưng cần phù hợp và hướng ứng giá trị tư tưởng của văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu trả lời lí giải được một cách thuyết phục niềm tin tưởng của bản thân: 1,0 điểm + Tin vào truyền thống tốt đẹp của dân tộc; + Tin tưởng vào sức mạnh/tương lai của đất nước 	1,5

- Nêu được ý nghĩa tích cực có tính chất cộng hưởng với niềm tin đã trình bày giúp bản thân sống lạc quan, nuôi dưỡng niềm tự hào về đất nước: 0,5 điểm	
VIẾT	5,0
a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận (ba phần mở bài, thân bài, kết bài)	0,25
b. Xác định đúng yêu cầu của đề (chứng minh tinh thần yêu nước của người dân Việt Nam hiện nay)	0,25
c. Chứng minh và phân tích các biểu hiện của tinh thần yêu nước của người dân Việt Nam hiện nay. HS có thể trình bày các luận điểm khác nhau nhưng bài viết cần thể hiện được những nội dung cơ bản sau:	
- Giới thiệu khái quát các biểu hiện	0,25
- Nêu ấn tượng/cảm nhận chung về các biểu hiện	0,25
- Phân tích những biểu hiện cụ thể (nỗ lực của người dân trong việc xây dựng đất nước, bảo vệ nền hòa bình, sống trách nhiệm, đoàn kết,...)	2,0
- Nhận xét, bình luận về các biểu hiện yêu nước đó (đa dạng, sâu sắc, đáng trân trọng,...).	0,25
- Lật ngược vấn đề: nhìn nhận và đánh giá đúng những biểu hiện về lòng yêu nước chân chính để lên án những biểu hiện giả tạo, đội lốt,...	0,5
- Rút ra được bài học nhận thức và hành động cho bản thân	0,25
d. Chính tả, ngữ pháp, trình bày - Viết đúng chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, trình bày đúng quy định. <i>Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i>	0,5
e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về ý nghĩa, bài học về truyền thống yêu nước của dân tộc hoặc có cách diễn đạt mới thể hiện sự tìm tòi của người viết.	0,5
Tổng điểm	10,0

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 06

Thời gian làm bài: 90 phút

○ Giới thiệu đề:

- Thời điểm kiểm tra: cuối HK II
- Đối tượng biên soạn: GV dạy bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.
- Ngữ liệu sử dụng: Văn bản tương đương ngoài SGK. Ở đề kiểm tra này, GV lựa chọn văn bản “Thăng Long thành hoài cổ” để làm ngữ liệu đánh giá kĩ năng đọc hiểu thơ thất ngôn bát cú luật Đường của HS.
- Nhiệm vụ viết: *Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc, yêu cầu phù hợp với kiểu bài được học ở giai đoạn này và có sự kết nối nhất định với nội dung đọc hiểu văn bản.*
- Mô hình đề KT: Mô hình 1 (đọc hiểu VB VH + viết VB tự sự).
- Dạng đề: Tự luận
- Thời gian làm bài: 90 phút

○ Ma trận và đặc tả:

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Đọc hiểu	Thơ thất ngôn bát cú luật Đường	<ul style="list-style-type: none">- Xác định được thể thơ của văn bản- Nhận biết được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh.	<ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú luật Đường như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối..- Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh.- Phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.	Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.	

		Số câu	2TL	3TL	1 TL	6TL
		Số điểm	1.5	3.0	1.5	6.0
		Tỷ lệ	15%	30%	15%	60%
2	Viết	Bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả 2 yếu tố này trong văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài - Xác định đúng nội dung cần kể - Đảm bảo nguyên tắc trình bày (bố cục, chính tả, chữ viết) 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được những thông tin khái quát và trình tự diễn ra các sự việc của hoạt động xã hội - Đảm bảo chuẩn dùng từ, viết câu 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đúng bố cục của kiểu bài - Sử dụng được kết hợp yếu tố biểu cảm/ miêu tả hoặc cả hai yếu tố này. - Sử dụng được ngôi thứ nhất để kể. - Có cách kể sáng tạo/ Có cách diễn đạt, trình bày độc đáo 	
		Số câu	1			1
		Số điểm	0.5	1.0	2.5	4
		Tỷ lệ	5%	10%	25%	40%
Tổng tỷ lệ		20%	40%	40%	100%	
Tỷ lệ chung		60%		40%	100%	

ĐỀ KIỂM TRA

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Thăng Long thành hoài cổ

Bà Huyện Thanh Quan

Tạo hoá¹⁰ gây chi cuộc hí trường¹¹,

¹⁰ Tạo hoá: là đấng tạo ra muôn vật với mọi sự biến hoá, đổi thay theo quan niệm duy tâm.

¹¹ Hí trường: đồng nghĩa với "nhà hát". "Cuộc hí trường" chỉ những chuyện vui buồn xảy ra trong cuộc đời.

Đền nay thắm thoát¹² mấy tinh sương¹³.
 Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
 Nền cũ lâu đài bóng tịch dương¹⁴.
 Đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt¹⁵,
 Nước còn cau mặt với tang thương¹⁶.
 Ngàn năm gương cũ soi kim cổ¹⁷,
 Cảnh đây người đây luống đoạn trường¹⁸.

(*Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 14,
 tr. 977-978, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 2000)

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 1 (0.75 điểm). Văn bản trên được viết theo thể thơ gì?

Câu 2 (1.0 điểm). Những dấu hiệu nào về thi luật giúp em nhận biết thể thơ đã xác định ở câu 1? Hãy trình bày 04 dấu hiệu.

Câu 3 (0.75 điểm). Cảnh thành Thăng Long xưa được gợi tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào qua sáu câu thơ đầu?

Câu 4 (1.0 điểm). Khung cảnh thành Thăng Long được gợi tả trong bài thơ góp phần thể hiện tâm trạng gì của tác giả?

Câu 5 (1.0 điểm). Cách bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả qua hai câu thơ cuối có gì đặc sắc?

Câu 6 (1.5 điểm). Bài thơ đã gợi cho em những tình cảm gì đối với thành Thăng Long xưa? (Trình bày bằng một đoạn văn từ 5-7 câu).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng mà em đã tham gia hoặc chứng kiến. Trong bài viết có kết hợp kể với hai yếu tố miêu tả và biểu cảm.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 06

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

¹² *Thắm thoát*: qua đi một cách nhanh chóng đến mức không ngờ (bây giờ nhìn lại mới nhận ra).

¹³ *Tinh sương*: chỉ một năm.

¹⁴ *Tịch dương*: chỉ lúc mặt trời lặn.

¹⁵ *Tuế nguyệt*: năm và tháng, chỉ sự vận động của thời gian nói chung.

¹⁶ *Tang thương*: bể dâu, ý chỉ những sự biến đổi trong cuộc đời.

¹⁷ *Kim cổ*: xưa và nay.

¹⁸ *Đoạn trường*: xót xa, đau đớn như đứt từng khúc ruột.

I	ĐỌC HIỂU	6,0
	<p>1 Xác định thể thơ của văn bản: thơ thất ngôn bát cú luật Đường</p>	0,75
	<p>2 Một số dấu hiệu về thi luật giúp nhận biết thể thơ thất ngôn bát cú luật Đường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số câu trong bài: 8 - Số chữ trong mỗi câu: 7 - Bố cục: đề, thực, luận, kết - Luật: bài thơ được làm theo trắc (căn cứ vào tiếng <i>hóa</i>) - Niêm: câu 1 niêm với câu 8 (trắc: <i>hóa</i> – trắc: <i>đầy</i>), câu 2 niêm với câu 3 (bằng: <i>nay</i> – bằng: <i>xưa</i>), câu 4 niêm với câu 5 (trắc: <i>cũ</i> – trắc: <i>vẫn</i>), câu 6 niêm với câu 7 (bằng: <i>còn</i> – bằng: <i>năm</i>) - Vận: ương (trường, sương, dương, thương, trường) → Vận bằng - Nhịp: 4/3 hoặc 2/2/3 - Đối: cặp câu 3, 4 và 5,6 <p>(Mỗi dấu hiệu được 0,25đ)</p>	1,0
	<p>3 Cảnh thành Thăng Long xưa được gọi tả bằng những từ ngữ, hình ảnh sau qua sáu câu thơ đầu: <i>lối xưa xe ngựa, hòn thu thảo, nền cũ lâu đài, bóng tịch dương, đá, nước vẫn trôi gan cùng tuế nguyệt, nước còn cau mặt với tang thương, ...</i></p> <p>(Xác định đúng mỗi từ ngữ, hình ảnh được 0,25đ)</p>	0,75
	<p>4 Khung cảnh thành Thăng Long được gọi tả trong bài thơ góp phần thể hiện tâm trạng của tác giả khi đứng trước những dấu tích của lịch sử (<i>lối xưa, nền cũ lâu đài, đá, nước</i>) ở hiện tại bỗng cảm thấy buồn thương, tiếc nhớ về một thời vàng son, hưng thịnh của kinh thành Thăng Long xưa.</p> <p>(Xác định được tâm trạng của tác giả được gọi lên qua việc khắc họa hình ảnh khung cảnh thành Thăng Long: 0,5đ; Giải thích chi tiết được: 0,5đ)</p>	1,0

	<p>5</p> <p>- Tình cảm, cảm xúc của tác giả được bộc lộ qua hai câu thơ cuối: xót xa, đau đớn trước sự đổi thay nhanh chóng của cuộc đời.</p> <p>- Nêu được nét đặc sắc trong cách thể hiện của tác giả → Câu hỏi mở nhưng cần dựa trên văn bản và lí giải thuyết phục, chẳng hạn như: dùng cảnh để bày tỏ tình cảm (mượn sự đối lập của khung cảnh Thăng Long xưa và nay để bộc lộ nỗi đau xót của tác giả trước cảnh hoang tàn của kinh thành xưa),...</p> <p>(Mỗi ý được 0,5đ)</p>	1,0
	<p>6</p> <p>Trình bày được những tình cảm của em dành cho thành Thăng Long xưa do bài thơ gợi lên. Yêu cầu về độ dài: 3-4 câu.</p> <p>(Nêu được tình cảm của em dành cho thành Thăng Long xưa do bài thơ gợi lên: 0,75đ; Giải thích được căn cứ để em có được những tình cảm ấy: 0,5đ; Đảm bảo đủ yêu cầu về độ dài của câu trả lời: 0,25đ)</p>	1,5
II	VIẾT	4,0
	<p>Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng mà em đã tham gia hoặc chứng kiến. Trong bài viết có kết hợp kể với hai yếu tố miêu tả và biểu cảm.</p>	
	<p><i>a. Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài:</i> kể về một hoạt động xã hội</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng nội dung kể:</i> một hoạt động xã hội</p>	0,25
	<p><i>c. Triển khai bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>* Về hệ thống ý: (1.0đ)</p> <p>a) Mở bài: Giới thiệu hoạt động xã hội sẽ kể.</p> <p>b) Thân bài</p> <p>– Nêu những thông tin khái quát về hoạt động xã hội: Đơn vị tổ chức, thời gian, địa điểm, mục đích hoạt động,...</p> <p>– Kể lại chân thực các sự việc theo trình tự hợp lí có kết hợp với việc sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm hoặc kết hợp cả hai yếu tố này.</p>	2,5

	<p>c) Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khẳng định ý nghĩa của hoạt động. – Nêu suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của bản thân về hoạt động đã tham gia <p>* Về bài viết: (1,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài. - Sử dụng ngôi thứ nhất để kể. - Sử dụng kết hợp yếu tố biểu cảm/ miêu tả hoặc cả hai yếu tố này. 	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp, trình bày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, trình bày đúng quy định Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. 	0,5
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện cách thuyết minh sáng tạo, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

4.4. Đề minh họa lớp 9

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 07

* Giới thiệu

- Thời điểm kiểm tra: Giữa HK I
- Đối tượng biên soạn: GV dạy bộ SGK *Kết nối tri thức với cuộc sống* hoặc *Chân trời sáng tạo*.
- Ngữ liệu sử dụng: Văn bản thuộc thể loại truyện truyền kì. Ngữ liệu chọn cùng thuộc tác phẩm *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ, nhưng chọn đoạn trích khác trích đoạn truyện *Người con gái Nam Xương*.
- Nhiệm vụ viết: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.
- Mô hình đề: Mô hình 1 (Đọc hiểu VB văn học – Viết văn bản nghị luận xã hội).
- Dạng đề: Tự luận

* Ma trận và đặc tả đề

○	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Đọc hiểu	Truyện truyền kì	- Xác định được nhân vật, ngôi kể, không gian, thời gian của câu chuyện	- Lí giải được một số chi tiết trong truyện - Nêu tác dụng của một yếu tố hoang đường, kì ảo trong đoạn trích. - Nhận ra thông điệp của văn bản	- Có ý tưởng riêng về cách kết thúc truyện	
		Số câu	3	4	1	8
		Số điểm	1.2	1,55	2,25	5.0
		Tỉ lệ	12%	15.5%	22.5%	50%
2	Viết	Bài văn kể chuyện sáng tạo	- Xác định đúng kiểu bài - Đảm bảo nguyên tắc trình bày (bố cục, chính tả, chữ viết)	- Các luận điểm được triển khai hợp lí - Đưa ra được những lí lẽ, bằng chứng phù hợp về vấn đề - Đảm bảo chuẩn dùng từ, viết câu	- Đánh giá, bàn luận về vấn đề - Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; - Có cách diễn đạt mới mẻ.	
		Số câu	1			
		Số điểm	1,0	2.0	2.0	5
		Tỉ lệ	10%	20%	20%	50%
Tổng tỉ lệ (Đọc - viết)			22,5%	35,5%	42,5%	100%

ĐỀ KIỂM TRA

I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiểm thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm; Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đây chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt.

Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mã để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ, đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tán vàng kiêu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:

- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trần Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên một hôm.

Tử Hư bèn sắm rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoát đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng.

Dương Trạm nói:

- Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt râu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng¹⁹. Hôm qua ta hầu lính giá ngài lên chầu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên.

Tử Hư nói:

- Thầy được lĩnh chức trọng quyền cao như vậy, chẳng hay sự sống chết thọ yếu của con, thầy có được rõ không?

¹⁹ Tử đồng: vốn là tên một huyện ở Trung Quốc, nơi thờ Đế quân Văn Xương, trông coi về văn học, thường có tục cầu tiên giáng bút. ở đây tác giả chỉ dùng với nghĩa là nơi ở của Đế quân.

- Việc đó không phải thuộc về chức vụ của ta.
- Vậy thế thầy giữ về việc gì?
- Ta trông coi về việc văn chương thi cử, khoa danh cao thấp của những học trò trong thiên hạ

Tử Hư mừng mà rằng:

- Nếu thế thì tiền trình của con cũng đạt thế nào chắc thầy biết rõ?
- Cứ như văn chương tài nghệ của anh, đương đời này không ai bì kịp, huống anh lại còn có tính trung hậu thành thực; có điều lúc thiếu thời thường lấy văn tài mà kiêu ngạo với người khác, cho nên trời mới bắt đố muộn để phải chùn nhụt cái nét ngông ngáo đi. Nếu không thì cướp thế trước của Mông Chính²⁰, lật cỏ rác của Hạ Hầu²¹ phỏng anh còn khó khăn gì nữa. Cho nên xưa nay người ta bàn về kẻ sĩ, tất trước hết xét đến đức hạnh là vì thế. Ngày nay những người mặc áo nhà nho, đeo dải nhà nho thì lại khác hẳn. Họ thường đổi họ để đi học, thay tên để đi thi; hễ trượt đỗ thì đổ lỗi mờ quang cho quan chấm trường, hơi thành danh thì hợm mình tài giỏi hơn cả tiên bối, chí khí ngông ngáo, tính tình tráo trở, thấy thầy nghèo thì lánh tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ, không biết rằng ngày thường dặt dãn rèn cặp phần nhiều là cái công đức của thầy bạn. Vả như ta ngày xưa, dạy có đến mấy nghìn học trò, giao du ở kinh đô rất nhiều bè bạn thế mà sau ta mất, nghe có người đai vàng, mũ bạc, có người quan cả ngôi cao, nhưng không hề một ai tìm đến thăm viếng mồ ta mà tưới lên một vài chén rượu. Nhân thế ta vẫn để ý đến anh lắm.

(Trích Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào, Truyền kì mạn lục,
Nguyễn Dữ, NXB Trẻ 2011, tr 111-112)

Trả lời các câu hỏi / Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Câu chuyện trong đoạn trích được kể bằng lời của ai?

- A. Lời của người kể chuyện.
- B. Lời của Tử Hư.
- C. Lời của Dương Trạh.
- D. Lời của Đế Quân.

²⁰ Lã Mông Chính là người đời Tống, thi đỗ trạng nguyên. Khi nghe tin Mông Chính đỗ, Hồ Đán Phủ phản nân rằng: "Thôi thế là sang năm ta đỗ, lại phải sau hấn một thế rồi". Quả nhiên sang năm Hồ đỗ thật

²¹ Hạ hầu Thắng là một danh nho đời Hán. Ông thường nói: "Kẻ sĩ chỉ sợ không sáng nghĩa kinh, nếu sáng thì lấy áo xanh áo tía để dăng như lật cỏ rác ở dưới đất vậy".

Câu 2. Đoạn trích kể về cuộc gặp gỡ, đối thoại giữa những nhân vật nào?

- A. Giữa những người bạn của Tử Hư.
- B. Giữa Dương Trạh với Đế Quân.
- B. Giữa Tử Hư với Dương Trạh.
- D. Giữa Tử Hư với Ngọc Hoàng.

Câu 3. Câu chuyện được kể xảy ra ở thời nào trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam?

- A. Thời Lí.
- B. Thời Trần
- C. Thời Lê
- D. Thời Tây Sơn.

Câu 4. Tại sao đến năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn không đỗ đạt?

- A. Vì Tử Hư không chí thú học hành.
- B. Vì Tử Hư không ham công danh.
- C. Vì Tử Hư học hành kém.
- D. Vì Tử Hư có tính kiêu ngạo.

Câu 5. Điều gì khiến Dương Trạh quý trọng Tử Hư?

- A. Trung hậu, hiếu nghĩa với thầy.
- B. Kiên trì, quyết chí trong khoa cử.
- C. Bộc trực, thẳng thắn trong ứng xử.
- D. Tài hoa, uyên bác về học thuật.

Câu 6. Nêu tác dụng của một yếu tố hoang đường, kì ảo trong đoạn trích.

Câu 7. Nhận xét về ý nghĩa lời bàn của Dương Trạh ở cuối đoạn trích.

Câu 8. Nếu được viết tiếp để kết thúc câu chuyện trong đoạn trích theo ý riêng của mình, em muốn có ý tưởng viết tiếp như thế nào? Vì sao em có ý tưởng như vậy? (trình bày trong khoảng 4-6 câu văn)

II. VIẾT (5.0 điểm)

Hiện tượng lợi dụng mạng internet để lừa đảo chiếm đoạt tài sản đang là vấn đề bức xúc của xã hội.

Viết bài luận khoảng 600 chữ bày tỏ suy nghĩ của bạn về vấn đề trên.

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	A	0,4
	2	C	0,4
	3	B	0,4
	4	D	0,4
	5	A	0,4
	6	- Yếu tố hoang đường: người sống gặp linh hồn người chết; sự hòa trộn giữa cõi trần và cõi tiên; giữa thực và ảo. - Ý nghĩa, tác dụng: thể hiện trí tưởng tượng phong phú, tạo sự cuốn hút do tính li kì của các sự kiện; đồng thời kín đáo gửi gắm những suy ngẫm về thế sự đương thời.	0,75
	7	- Lời bàn của Dương Trạ: + Chỉ ra lí do khiến Từ Hư lận đận thi cử. + Nêu thực trạng quan trường. - Gửi gắm thông điệp: phải khiêm tốn học hỏi; sống phải có đạo nghĩa.	0,75
	8	- Nêu ý tưởng viết tiếp kết thúc cho câu chuyện. Có thể lựa chọn các cách kết thúc truyện khác nhau, nhưng cần logic với mạch truyện, có thể đưa những yếu tố hoang đường, kì ảo theo đặc trưng của thể loại. - Lí giải được lí do nêu ra ý tưởng như vậy; qua đó cho thấy khả năng cảm nhận văn bản và năng lực tưởng tượng sáng tạo của cá nhân.	1,5
II		LÀM VĂN	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề	0,25

	<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> <i>Hiện tượng lừa đảo trên không gian mạng</i></p>	0,25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	2.5
	<p>- Giải thích: Lừa đảo qua mạng là việc sử dụng internet để kết nối và thực hiện hành vi lừa đảo trên không gian mạng. Việc lừa đảo qua mạng được thực hiện với nhiều mục đích nhưng phần lớn là để nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị lừa đảo.</p> <p>- Bàn luận</p> <p>+ Biểu hiện: Có nhiều hình thức lừa đảo, chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng như: Lừa đảo qua mạng bằng email; hack tài khoản mạng xã hội để mượn tiền những người có kết nối trên mạng; Lừa đảo trúng thưởng; ...</p> <p>+ Nguyên nhân: kẻ xấu lợi dụng công nghệ thông tin, không gian mạng để xâm nhập vào tài khoản cá nhân, lợi dụng lòng tham, sự thiếu nhận thức, thiếu hiểu biết về kiến thức pháp luật, tâm lí dễ bị thao túng, thiếu bản lĩnh của người dân...</p> <p>+ Hậu quả: Gây thiệt hại đến tài sản, để lại hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an sinh xã hội, làm mất niềm tin trong nhân dân.</p> <p>- Giải pháp: Để tránh bị lừa đảo, trở thành nạn nhân của những hiện tượng trên, mỗi cá nhân phải tự trang bị kiến thức, hiểu biết pháp luật, có kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin, am hiểu về không gian mạng, có bản lĩnh, tránh tham lợi; cần chia sẻ rộng rãi thông tin sự việc về lừa đảo để mọi người cảnh giác; báo cáo kịp thời với cơ quan chức năng để được giúp đỡ, hỗ trợ, ...</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,5

		<i>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</i>	0,5
--	--	---	-----

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 8

*** Giới thiệu**

- Đối tượng biên soạn: GV dạy bộ SGK *Kết nối tri thức với cuộc sống*
- Thời điểm kiểm tra: Giữa HK II
- Ngữ liệu sử dụng: Văn bản thuộc thể loại truyện trinh thám. Ngữ liệu chọn cùng thuộc tập truyện Sơ-lôc Hòm của A-thơ Cô-nan Đoi-lơ, được sử dụng trong bộ SGK *Chân trời sáng tạo*.
- Nhiệm vụ viết: Viết một truyện kể sáng tạo
- Mô hình đề: Mô hình 1 (Đọc hiểu VB văn học – Viết bài văn kể chuyện sáng tạo).
- Dạng đề: Tự luận

*** Ma trận và đặc tả:**

○	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Đọc hiểu	Truyện trinh thám	- Xác định được đề tài, không gian, thời gian của câu chuyện. - Nhận biết được người kể chuyện	- Nhận ra được chi tiết tiêu biểu của văn bản - Lí giải được cách thức phá án và tài năng của nhân vật	- Khái quát đặc điểm của truyện trinh thám qua văn bản. - Rút ra bài học cho cá nhân	
		Số câu	2	2	1	5
		Số điểm	1.0	2.0	2.0	5.0
		Tỉ lệ	10%	20%	20%	50%
2	Viết	Bài văn kể chuyện sáng tạo	- Xác định đúng kiểu bài - Đảm bảo nguyên tắc trình bày (bố	- Kể được nội dung câu chuyện theo ngôi kể khác	- Có những yếu tố bất ngờ gọi sự tò mò cho người đọc	

		cục, chính tả, chữ viết)	- Các sự kiện được sắp xếp hợp lí - Sử dụng hợp lí các chi tiết miêu tả ngoại hình, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật - Sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm phù hợp	- Có tìm tòi, sáng tạo trong diễn đạt	
	Số câu	1			
	Số điểm	0.5	2.5	2.0	5
	Tỉ lệ	5%	25%	25%	50%
	Tổng tỉ lệ (Đọc - viết)	15%	45%	40%	100%

ĐỀ KIỂM TRA

I. Đọc hiểu (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau

CHIẾC MŨ MIỆN DÁT ĐÁ BE-RÔ

(A-thơ Cô-nan Đoi-lơ)

Tóm lược

Ông chủ nhà băng Hôn-đơ mang về nhà cất giữ một chiếc mũ miện là bảo vật quốc gia, do một khách hàng quý tộc tín chấp để vay một số tiền lớn. Có hai người thân tín được ông cho biết nơi cất giấu chiếc mũ là con trai ông – A-thơ (Arthur) và cô cháu gái Me-ry (Mary), người mà ông rất mực yêu quý. A-thơ là người mê cờ bạc, đang có món nợ lớn cần trả gấp; cậu si mê Me-ry nhưng không được cô đáp lại. Tay huân tước mờ ám Giooc Bon-queo (George Burnwell) giao du với A-thơ, thường qua lại nhà ông Hôn-đơ. Ngay trong đêm đó, Hôn-đơ phát hiện chiếc mũ bị mất ba viên đá quý. Có hai người bị nghi ngờ: cô hầu phòng Lu-xi (Lucy) vì theo lời Me-ry, tối hôm đó Lu-xi lên ra ngoài bằng cửa sau; A-thơ bị cha bắt gặp trong tình trạng tay cầm chiếc mũ đã bị bể cong. Tuy nhiên không ai nhận mình lấy ba viên đá quý. Cảnh

sát vào cuộc nhưng không tìm ra manh mối. Ông Hôn-đơ tìm đến thám tử Sơ-lốc Hôn nhờ điều tra vụ án và thám tử Hôn đã tìm ra thủ phạm.

Đoạn trích dưới đây là câu chuyện thám tử Hôn kể với ông Hôn-đơ về việc phá án:

Khi đến nhà ông, tôi liền đi một vòng khắp chung quanh, hy vọng tìm được những dấu chân trong tuyết. Tôi biết rằng đêm hôm trước tuyết không rơi, và không khí lạnh giá giữ được nguyên vẹn những dấu vết. Tôi men theo lối đi dành cho gia nhân, nhưng ở đây đã có quá nhiều dấu chân dẫm lên nhau và tôi không thể phân biệt được gì nữa. Tuy nhiên, tôi cũng nhận ra rằng cách cửa nhà bếp không xa, một người đàn bà đã đứng lại và nói chuyện với một người đàn ông: một dấu tròn ở một bên chứng tỏ người đàn ông này có một cái chân gỗ .. Sau đó, tôi đi khắp khu vườn, nhưng tôi chỉ tìm thấy ở đó những dấu chân loạn xạ khắp nơi: tôi cho đó là những dấu chân của các cảnh sát. Trái lại, khi đi theo lối đi dẫn đến chuồng ngựa, tôi đã khám phá được cả một câu chuyện rất dài và phức tạp: chính những dấu chân còn in rõ mòm mốt trên tuyết đã kể cho tôi biết.

Có hai loại dấu chân song song với nhau: dấu chân của người mang giày và dấu chân của người đi chân không. Những dấu chân trần này chỉ có thể là của con trai ông. Lần theo những dấu chân đó về phía ngôi nhà, tôi đi đến chiếc cửa sổ lớn: ở đó tôi thấy dấu chân của người mang giày in rất sâu xuống lớp tuyết, chứng tỏ người đó đã đứng đây một lúc khá lâu, có lẽ là để chờ đợi. Rồi, vẫn lần theo những dấu chân, tôi quay trở lại đầu kia của lối đi. Cách chừng 100 yard, tôi nhận ra được chỗ hai người đã dừng lại đối diện với nhau: lớp tuyết bị chà đạp nát bét, ở đây chứng tỏ đã có một cuộc vật lộn dữ dội xảy ra. Sau cùng, tôi thấy có vài giọt máu: vậy là tôi đã không lầm. Người mang giày đã tháo chạy xuống phía dưới lối đi: một vết máu nhỏ ở đây chứng tỏ là hắn đã bị thương. Hắn chạy ra đến con đường lớn, nhưng đến đây thì mất dấu của hắn, bởi vì lề đường và lòng đường đã được quét sạch.

Tuy nhiên, khi trở lại căn nhà, tôi dùng kính lúp xem xét thật kỹ bờ và khung của chiếc cửa sổ lớn. Tôi liền nhận ra ngay có một người đã nhảy qua đó để trở vào nhà. Tôi thấy rõ dấu của một bàn chân còn ướt trên bờ cửa sổ. Lúc bấy giờ, với những chi tiết được thu nhận và phân tích như thế, tôi đã có thể dựng lên một giả thuyết:

Có một người đàn ông đã đứng chờ ở bên ngoài chiếc cửa sổ lớn, một kẻ nào đó ở trong nhà đã đem chiếc vương niệm xuống trao cho hắn, con trai ông đã phát hiện được việc này. Cậu đã đuổi theo tên trộm, đã đánh nhau với nó,

mỗi người cố gắng giằng chiếc vương niệm về phía của mình, và sức lực của hai người cộng lại đã làm cho chiếc vương niệm bị gãy mất một góc. Con trai ông đã lấy lại được chiếc vương niệm nhưng đã bỏ lại viên ngọc trong tay gã ăn trộm. Cho tới đó, mọi sự đều rõ ràng, hợp lí. Vấn đề đặt ra bây giờ là tìm xem tên trộm đó là ai và kẻ nào ở trong nhà đã đem chiếc vương niệm xuống cho hắn.

Trong vụ này, chắc chắn ông không phải là người đã đem chiếc vương niệm xuống cho tên trộm. Vậy chỉ còn cô cháu gái của ông và chị bồi phòng. Nhưng nếu thủ phạm là chị bồi phòng thì không có lí do gì A-thơ lại im lặng. Vậy thì chỉ còn có Me-ry, và tôi biết rằng A-thơ rất thương yêu cô ta, điều này đủ để giải thích tại sao cậu chịu câm như hến. Tôi nhớ lại rằng ông đã bắt gặp Me-ry đứng ở bên chiếc cửa sổ đó, và cô ta đã ngất xỉu khi trông thấy chiếc vương niệm mà cô tưởng rằng đang ở trong tay kẻ đồng lõa của cô: thế là giả thuyết của tôi đã trở thành sự thật.

Nhưng ai có thể là kẻ đồng lõa của cô ta? Dĩ nhiên đó phải là một gã tình nhân. Bởi vì không ai đủ sức làm cho cô ấy quên được ông! Tôi biết rằng ông rất ít khi đi ra ngoài chơi, và con số những người bạn thân của gia đình ông cũng rất ít. Nhưng trong số đó có Gioóc Bon-queo, một người đàn ông bị tai tiếng rất nhiều đối với giới phụ nữ. Có lẽ chính hắn ta là người đồng lõa của Me-ry và chính hắn đang giữ những viên ngọc bị mất. Dầu A-thơ có biết rõ hắn là tên trộm, hắn ta vẫn có thể được an toàn, bởi A-thơ sẽ không dám tiết lộ ra một điều sẽ gây tai tiếng cho gia đình cậu.

Lúc bấy giờ tôi cải trang thành một người bồi, đi đến nhà gã quý tộc và tìm cách bắt chuyện với anh hầu của hắn. Anh này cho tôi biết là đêm vừa qua ông chủ của anh ta đã vô ý tự gây ra một vết thương ở mặt. Và sau cùng, với 6 xu, tôi mua được một đôi giày cũ của chủ hắn ta. Tôi liền chạy thẳng một mạch đến Strit-ham để so xem những dấu chân ở đó có đúng với kích thước và hình dạng của bàn chân hắn ta không: nó giống hệt.

- Tối hôm qua – Hôn-đơ - Tôi có trông thấy trên lối đi đưa đến chuồng ngựa một gã bụi đời ăn mặt rách rưới.

- Chính tôi đó. Sau khi đã biết chắc tên trộm đó chính là Gioóc Bon-queo, tôi trở về nhà thay quần áo. Đến đây vai trò của tôi trở thành khó khăn. Bởi vì tôi hiểu rằng không nên làm rùm beng vụ này, cốt để tránh cho ông khỏi bị tai tiếng; tôi cũng biết rằng Gioóc Bon-queo là một tên táng tận lương tâm, chắc

chấn hấn sẽ khai thác cái thế tiến thoái lưỡng nan của ông. Lúc đầu hấn chối leo lẻo. Nhưng khi tôi kể rõ từng chi tiết sự việc xảy ra đêm hôm đó, hấn liền trở mặt xác xược và chụp lấy một cái chùy treo trên vách tường. Tôi lập tức dí súng vào thái dương hấn. Tôi đề nghị với hấn cho tôi chuộc lại ba viên ngọc với giá 3000 đồng bằng. Hấn chặc lưỡi: Thật là xui! Tôi chỉ bán có 600 đồng mà thôi! Tôi bèn bắt hấn phải cho tôi địa chỉ người mua, đổi lại tôi hứa sẽ không lôi hấn ra toà. Tôi chạy thẳng một mạch đến nhà người mua, và sau một hồi trả giá, tôi chuộc lại được ba viên ngọc với giá 1000 đồng bằng mỗi viên. Xong, tôi liền đi gặp con trai ông để cho cậu ấy biết rằng tất cả đã được giải quyết tốt đẹp. Lúc bấy giờ đã hai giờ sáng, tôi chỉ còn nghĩ đến có một việc: đi ngủ. Sau một ngày làm việc cực nhọc như thế, đây là một sự nghỉ ngơi rất xứng đáng đấy chứ !

(In trong *Sơ-lốc Hôm toàn tập*, tập 1, Đặng Thi Huệ dịch, NXB Phụ nữ, 2017)

Thực hiện các yêu cầu

Câu 1. Vụ án được kể lại trong văn bản là gì?

Câu chuyện phá án được kể lại từ điểm nhìn của ai? Tác dụng của việc kể theo điểm nhìn đó?

Câu 2. Xác định các chi tiết qua đó giúp Sơ-lốc Hôm tìm ra chân tướng của nhân vật để phá được vụ án.

Câu 3. Cách thức phá án của Sơ-lốc Hôm trong câu chuyện này là gì? Nhận xét về tài năng phá án của vị thám tử.

Câu 4. Khái quát đặc điểm của truyện trinh thám qua văn bản trên.

Câu 5. Em rút ra bài học gì từ câu chuyện được kể trong văn bản?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Dựa vào phân tóm lược và nội dung đoạn trích trên, em hãy viết lại câu chuyện Sơ-lốc Hôm phá án theo ngôi kể thứ ba (hoặc theo vai nhân vật Hôn-đơ).

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 07

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	5,0
	1	Vụ án được kể lại trong văn bản là: ông Hôn-đơ, chủ một nhà băng lớn bị mất ba viên ngọc gắn trên chiếc mũ miện.	0,5
	2	Câu chuyện phá án lại được chính Sơ-lốc Hôm kể lại.	0,5

	Các tình tiết trong vụ án được nhìn nhận và phân tích từ điểm nhìn của Hô-m nên có độ chân thực, hấp dẫn.	
3	Một số chi tiết qua đó giúp Sơ-lôc Hô-m tìm ra chân tướng của nhân vật Gioóc Bôn-queo để phá được vụ án là: những dấu chân trên tuyết (dấu giày và dấu chân trần), vài giọt máu, dấu chân trên bờ cửa sổ.	0,5
4	Cách thức phá án của Sơ-lôc Hô-m trong câu chuyện này là: Bằng tài quan sát và phán đoán, Hô-m đã kết nối các chi tiết để hình dung câu chuyện xảy ra trong đêm có liên quan đến việc chiếc mũ bị đánh cắp, cùng với biểu hiện của từng nhân vật trong gia đình khi sự việc xảy ra, mở rộng ra đến những mối quan hệ khác trong gia đình, từ đó nhận định về thủ phạm của vụ án. Nhận xét về tài năng phá án của vị thám tử: Sơ-lôc Hô-m không chỉ giúp ông chủ nhà băng nhận ra chân tướng của thủ phạm (cô cháu gái Me-ry và người tình) mà còn giúp ông xử lí vụ án một cách hết sức khéo léo, hợp lí hợp tình: không làm rùm beng vụ án để giữ thể diện cho ông chủ; thương lượng với Gioóc Bôn-queo để chuộc lại 3 viên ngọc.	1,0
5	Một số đặc điểm của truyện trinh thám qua văn bản trên: <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung truyện xoay quanh việc phá án, câu chuyện là quá trình tìm kiếm, khám phá sự thật về một vụ án - Nhân vật chính: người phá án (thường là thám tử, cảnh sát, thanh tra,...), họ thường có những tố chất đặc biệt: tài quan sát, trí thông minh vượt trội, ưa mạo hiểm, dũng cảm,... - Không gian, thời gian: gắn với các manh mối của vụ án (dấu vết, tung tích,...), thời gian thường khá gấp (vài giờ, vài ngày,...), là áp lực và thách thức cho người phá án. 	1,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Chi tiết, sự việc: gắn với các tình huống có tác dụng gợi mở những phán đoán, suy luận của những người có óc phán đoán, suy luận tài tình. Các sự việc thắt nút, cao trào thường được đặt ở những vị trí hợp lí tạo sự bất ngờ, hấp dẫn cho câu chuyện - Người kể chuyện: ngôi thứ nhất và/hoặc ngôi thứ ba. Sự đan xen giữa các ngôi kể làm cho câu chuyện chân thực, hấp dẫn. 	
	<p>Qua câu chuyện, người đọc có thể rút ra một số bài học cho cá nhân. Đó có thể là bài học về cách nhìn nhận, đánh giá con người (không nên chỉ qua biểu hiện bên ngoài, chẳng hạn cách ông chủ nghi ngờ con trai mình); bài học về cách giải quyết vấn đề (Sơ-lốc Hôm không chỉ là người phá án giỏi mà còn rất hiểu tâm lí và tình thế của ông chủ nên đã chọn cách giải quyết sự việc êm thấm),...</p>	1,0
II	VIẾT	4,0
	Dựa vào phần tóm lược và nội dung đoạn trích trên, em hãy viết lại câu chuyện Sơ-lốc Hôm phá án theo ngôi kể thứ ba (hoặc theo vai nhân vật Hôn-đơ).	
	<i>a. Xác định đúng kiểu bài: kể truyện sáng tạo</i>	0,5
	<i>b. Xác định đúng nội dung kể:</i> Kể lại nội dung câu chuyện dựa vào phần tóm lược và đoạn trích, sử dụng ngôi kể khác	0,5
	<i>c. Triển khai bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được bối cảnh/tình huống xảy ra vụ án và các nhân vật liên quan - Sử dụng được các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành động, suy nghĩ, lời thoại,... của các nhân vật - Sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm phù hợp 	3,0

	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được các lập luận thuyết phục của nhà điều tra trong quá trình phá án - Nêu được cách thức đi đến kết luận của nhà điều tra và cảm xúc, suy nghĩ của người kể chuyện 	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp, trình bày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, trình bày đúng quy định <p><i>Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</i></p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Có những yếu tố bất ngờ gợi sự tò mò cho người đọc/ có tìm tòi, sáng tạo trong diễn đạt</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM		10,0

ĐỀ THAM KHẢO SỐ 09

- **Giới thiệu đề:**

- Thời điểm kiểm tra: cuối HKII
- Đối tượng biên soạn: GV dạy Bộ Chân trời sáng tạo.
- Ngữ liệu sử dụng: Văn bản tương đương ngoài SGK. Ở đề kiểm tra này, GV lựa chọn văn bản “Đừng phân định trắng đen cho một sự việc đơn giản!” được trích từ văn bản *Sống đơn giản cho mình thanh thản* để làm ngữ liệu đánh giá kỹ năng đọc hiểu VBNL của HS.
- Nhiệm vụ viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết
- Mô hình đề KT: Mô hình 3 (đọc hiểu VBNL + viết VBNL)
- Dạng đề: Tự luận
- Thời gian làm bài: 90 phút

- * **Ma trận và bảng đặc tả:**

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được luận đề của văn bản. - Nhận biết được luận điểm, bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản. - Lựa chọn được câu đơn, câu ghép phù hợp với nội dung, mục đích giao tiếp. 	Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.	
		Số câu	2TL	2TL	1 TL	5TL
		Số điểm	2.0	2.5	1.5	6.0
		Tỷ lệ	20%	25%	15%	60%

2	Viết	Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được kiểu bài - Xác định đúng nội dung cần nghị luận - Đảm bảo nguyên tắc trình bày (bố cục, chính tả, chữ viết) - Trình bày đúng bố cục của kiểu bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng cần cho bài viết - Phân tích các yếu tố, chi tiết liên quan đến vấn đề - Lí giải các khía cạnh của vấn đề - Đảm bảo dùng từ, viết câu phù hợp - Sắp xếp các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lập luận chặt chẽ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm. - Mở bài lôi cuốn, hấp dẫn; kết bài ấn tượng. - Khái quát các phương diện của vấn đề - Đánh giá ý nghĩa của vấn đề - Có cách lập luận sáng tạo/ Có cách diễn đạt, trình bày độc đáo 	
		Số câu	1			1
		Số điểm	0.5	1.0	2.5	4
		Tỷ lệ	5%	10%	25%	40%
Tổng tỷ lệ		25%	35%	40%	100%	
Tỷ lệ chung		60%			40%	100%

ĐỀ KIỂM TRA

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

ĐỪNG PHÂN ĐỊNH TRẮNG ĐEN CHO SỰ VIỆC MỘT CÁCH ĐƠN GIẢN!

(1) Chúng ta thường muốn phân định sự việc theo một chiều nào đó: tốt hay xấu, đúng hay không đúng, thích hay ghét, nên làm hay không nên làm,... Khi quyết định về một phía như vậy, thoát nhìn, bạn thấy có vẻ rất dễ dàng,

nhưng thực ra việc quyết định ấy cũng chỉ là sự chấp nhất²² với điều bạn đã chọn mà thôi. Nếu bạn đã chọn cái này là tốt thì tất cả những gì ngoài nó ra đều là xấu. Nếu bạn cho rằng A đúng, thì B sẽ là sai. Nói một cách cực đoan, việc này còn ẩn chứa những nguy cơ tiềm tàng.

(2) Có một câu chuyện nổi tiếng về những người nông dân trồng táo ở tỉnh Aomori. Một năm nọ, một cơn bão lớn đã quét qua tỉnh Aomori. Sau cơn bão, hầu như táo trong vườn đều đã rụng hết. Những quả táo rụng ấy không còn bán được nữa. Thế nên, hầu hết nông dân trong vùng đều từ bỏ vụ mùa này. Liệu mình có thể xuất hàng như mọi năm hay không? Hay vì cơn bão này mà mình chẳng bán táo được nữa? Trong đầu họ lúc đó chỉ có hai sự lựa chọn như vậy. Thế nhưng, có một người đàn ông đã không chọn cách nghĩ nào trong hai cách này cả. Anh ta cũng chẳng quả quyết mình không có táo để bán nữa. Dù cho cơn bão có lớn thế nào thì không thể làm tất cả táo trong vườn rụng hết được. Trong vườn táo ấy chắc chắn vẫn còn những quả táo bám chắc vào cành. Nhìn những quả táo ấy, người đàn ông nảy ra một ý: “Đúng rồi, những quả táo không chịu thua trong trận bão ấy, mình sẽ bán nó với ý nghĩa những quả táo không rụng”. Rồi ý tưởng này của người đàn ông đã thắng lớn. Sau này, câu nói ấy trở thành khẩu hiệu cho những HS sắp bước vào kì thi đại học, và loại “táo không rụng” ấy nhận được đơn đặt hàng từ khắp nơi trên cả nước. Nhờ ý tưởng của người đàn ông này mà bao người trồng táo khác ở Aomori được cứu.

(3) Nếu bạn quyết định trong đầu đã là không được, thì bạn chẳng thể nào tiến về phía trước được. Khi bạn chịu làm một cái gì đó, thì dù có chuyện tồi tệ xảy ra, cuộc đời của bạn cũng chẳng kết thúc ngay được. Mà biết đâu trong cái rủi đó bạn lại gặp được những điều may mắn bất ngờ. Có lẽ đó cũng chính là cơ hội để cuộc đời bạn tốt hơn. Điều quan trọng là đừng quyết định “tốt – xấu” một cách đơn giản cho sự vật, sự việc.

(Theo Shunmyo Masuno, Như Nữ dịch, in trong *Sống đơn giản cho mình thanh thản*, NXB Lao động, 2018, tr.142-144)

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 1 (1.0 điểm). Xác định vấn đề được bàn luận trong văn bản.

Câu 2 (1.0 điểm). Chỉ ra luận điểm được trình bày ở đoạn (1).

²² *Chấp nhất*: giữ khăng khăng một mực theo cái định sẵn về quan niệm, lẽ lối, v.v., không chịu thay đổi.

Câu 3 (1.25 điểm). Phân tích để làm rõ vai trò của những lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu được trình bày ở đoạn (2), (3) trong việc làm sáng tỏ luận đề.

Câu 4 (1.25 điểm) Nêu tác dụng của việc lựa chọn các kiểu câu trong đoạn văn sau:

(1) Khi quyết định về một phía như vậy, thoạt nhìn, bạn thấy có vẻ rất dễ dàng, nhưng thực ra việc quyết định ấy cũng chỉ là sự chấp nhất²³ với điều bạn đã chọn mà thôi. (2) Nếu bạn đã chọn cái này là tốt thì tất cả những gì ngoài nó ra đều là xấu. (3) Nếu bạn cho rằng A đúng, thì B sẽ là sai. (4) Nói một cách cực đoan, việc này còn ẩn chứa những nguy cơ tiềm tàng.

Câu 5 (1.5 điểm). Ở đoạn (4), tác giả cho rằng “Điều quan trọng là đừng quyết định “tốt – xấu” một cách đơn giản cho sự vật, sự việc”. Hãy trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của ý kiến trên trong bối cảnh hiện nay khi mỗi cá nhân đều có thể dễ dàng tiếp cận nhiều nguồn thông tin khác nhau về một sự vật hay sự việc cụ thể (viết đoạn văn khoảng 150 chữ).

II. VIẾT (4.0 điểm)

Tình huống: Lớp em tổ chức diễn đàn *Cùng nhau tiến bộ* để cùng trao đổi những bài viết đề xuất giải pháp cho các vấn đề mà HS có thể gặp phải trong học tập và các hoạt động khác của lớp.

Nhiệm vụ: Em hãy chọn một vấn đề mà mình quan tâm, viết bài văn nghị luận để gửi đăng ở diễn đàn này.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Vấn đề được bàn luận trong văn bản: Việc đưa ra quyết định một phía đối với các sự việc trong cuộc sống.	1,0
	2	Luận điểm được trình bày ở đoạn (1): Việc phân định một sự việc trong cuộc sống theo một chiều nào đó thường ẩn chứa nhiều nguy cơ.	1,0
	3	Vai trò của lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu được trình bày trong đoạn (2) và (3) đối với việc làm sáng tỏ luận đề:	1.25

²³ *Chấp nhất:* giữ khăng khăng một mực theo cái định sẵn về quan niệm, lẽ lối, v.v., không chịu thay đổi.

	<p>- Bằng chứng: câu chuyện nổi tiếng về quyết định của một người nông dân trồng táo ở tỉnh Aomori sau một cơn bão lớn. → Bằng chứng cho thấy trong cuộc sống có những tình huống không quyết định theo phía nào có thể đem đến thành công cho chúng ta</p> <p>- Lí lẽ: <i>Nếu bạn quyết định trong đầu đã là không được, thì bạn chẳng thể nào tiến về phía trước được. Khi bạn chịu làm một cái gì đó, thì dù có chuyện tồi tệ xảy ra, cuộc đời của bạn cũng chẳng kết thúc ngay được</i> → Lí lẽ góp phần giải thích rõ hệ quả, nguy cơ của việc khẳng quyết định đứng về một phía trong bất cứ tình huống nào</p> <p>- Tất cả những lí lẽ, bằng chứng ấy góp phần làm sáng tỏ cho luận điểm được trình bày ở đoạn (1).</p> <p>(Xác định đúng lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu được trình bày trong đoạn (2) và (3) được 0,5đ; chỉ ra được vai trò của những lí lẽ, bằng chứng ấy đối với việc làm sáng tỏ luận đề: 0,75)</p>	
4	<p>- Trong đoạn văn, người viết chọn kiểu câu ghép đẳng lập (câu (1)), câu ghép chính phụ (câu (2), (3)) và câu đơn (câu (4)).</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Câu ghép đẳng lập (1) biểu đạt một thông báo có tính chất đối lập nhau: việc “quyết định về một phía” tưởng có vẻ rất dễ dàng do bản chất vấn đề đơn giản, không có nhiều phương án để cân nhắc, nhưng thật ra là do bạn cứ khẳng khẳng giữ ý kiến của mình, không chịu thay đổi mà thôi.</p> <p>+ Câu ghép chính phụ (2) và (3) biểu thị quan hệ giả thiết – kết quả bằng cách dùng cặp kết từ “nếu ... thì” để nói các vế câu. Vế câu biểu thị nội dung giả thiết là lựa chọn của bạn “chọn cái này là tốt” hoặc “cho rằng A đúng” thì kết quả tất yếu là những thứ còn lại trong</p>	1,25

	<p>suy nghĩ của bạn là “đều là xấu” hoặc “B sẽ sai”. Kiểu câu ghép chính phụ này được chọn dùng để giải thích rõ hơn cho kết quả của việc “quyết định về một phía” và chuẩn bị lí lẽ cho việc đưa ra ý kiến ở câu (4).</p> <p>+ Câu đơn (4) biểu thị một phán đoán đơn giản nên người viết chọn câu đơn là phù hợp.</p> <p>(Nêu được tác dụng của việc lựa chọn kiểu câu (1), (4) được: 0,5đ; nêu được tác dụng của việc lựa chọn kiểu (2), (3) được: 0,75đ)</p>	
5	<p>- HS trình bày được ít nhất MỘT suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của ý kiến “Điều quan trọng là đừng quyết định “tốt – xấu” một cách đơn giản cho sự vật, sự việc” trong bối cảnh hiện nay khi mỗi cá nhân đều có thể dễ dàng tiếp cận nhiều nguồn thông tin khác nhau về một sự vật hay sự việc cụ thể.</p> <p>- Cần lí giải cụ thể để tạo sự thuyết phục cho việc trình bày suy nghĩ.</p> <p>(Trình bày được suy nghĩ của em: 0,75đ; Lí giải thuyết phục cho việc trình bày suy nghĩ: 0,75đ)</p>	1,5
II	VIẾT	4,0
	<p>Tình huống: Lớp em tổ chức diễn đàn <i>Cùng nhau tiến bộ</i> để cùng trao đổi những bài viết đề xuất giải pháp cho các vấn đề mà HS có thể gặp phải trong học tập và các hoạt động khác của lớp.</p> <p>Nhiệm vụ: Em hãy chọn một vấn đề mà mình quan tâm, viết bài văn nghị luận để gửi đăng ở diễn đàn này.</p>	
	<i>a. Xác định đúng yêu cầu của kiểu bài:</i> kể về một hoạt động xã hội	0,25
	<i>b. Xác định đúng nội dung kể:</i> một hoạt động xã hội	0,25
	<p><i>c. Triển khai bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>* Về hệ thống ý: (1.0đ)</p> <p>a) Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu vấn đề cần giải quyết.</p>	2,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu tầm quan trọng của việc giải quyết, khắc phục vấn đề. b) Thân bài <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích vấn đề - Phân tích các khía cạnh của vấn đề: <i>thực trạng, nguyên nhân, hậu quả</i> - Đề xuất và phân tích các giải pháp phù hợp, khả thi, thuyết phục để giải quyết vấn đề c) Kết bài: <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc phục, giải quyết vấn đề. - Rút ra bài học cho bản thân. <p>* Về bài viết: (1,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài. - Lập luận chặt chẽ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm. - Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. - Mở bài lôi cuốn, hấp dẫn; kết bài ấn tượng. 	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp, trình bày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, trình bày đúng quy định <p>Lưu ý: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện cách thuyết minh sáng tạo, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
TỔNG ĐIỂM	10,0	